

Tác giả: H. P. BLAVATSKY
Dịch giả: NGUYỄN VĂN NHUẬN
ÁNH ĐẠO TÙNG THU' 1968



Tiếng Vô Thinh

(THE VOICE OF THE SILENCE)

Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona
CHI BỘ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ
Hiệu đính và phát hành 2013

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Lời Tựa	5
Phần I: Những Lời dạy	15
Phần 2: Hai Con Đường	57
Phần 3: Bảy Tầng Cửa Đạo	95

LỜI NÓI ĐẦU

TIẾNG VÔ THINH

Những trích đoạn nhỏ được chọn lựa từ
“KIM HUẤN THU”

Dành cho các vị đệ tử dùng để suy gẫm hàng ngày. Được viết bằng loại chữ tối cổ (xin xem phần Lời Tựa), do bà H.P. Blavatsky dịch sang Anh ngữ và chú giải. Được huynh Nguyễn Văn Nhuận dịch lại bằng Việt ngữ năm 1968.

Trong lần tái bản này, chúng tôi có sửa chữa một số lỗi do in ấn, thay một số từ ngữ quá xưa, dịch lại một số đoạn, dựa theo kỳ tái bản Anh Ngữ tại Hoa Kỳ năm 1992, và nhất là sắp xếp lại những câu chú giải đúng vào vị trí của câu

chính văn, với mục đích cho độc giả dễ dàng theo dõi ý tưởng của bài văn.

Mong sao quyển sách này sẽ giúp được phần nào cho quý học giả Minh Triết Thiêng Liêng trên đường thực hành thiền định.

*Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona
Chi Bộ Phụng Sự Chân Lý 2013*

LỜI TỰA

Những trang sau đây được trích từ “Kim Huấn Thư” (The Book of The Golden Precepts), một trong những sách dành cho các sinh viên thần bí học ở Đông Phương để học hỏi, nghiên cứu, và nhiều nhà Thông Thiên Học đã chấp nhận những giáo huấn này. Vì tôi thuộc lòng rất nhiều giáo huấn đó, nên tôi phiên dịch dễ dàng.

Một điều ai cũng biết là ở Ấn Độ, những phương pháp phát triển tâm linh của các vị Thầy, hay Đạo Sư (Guru) đều khác nhau, chẳng những vì các Ngài khác học phái - có sáu học phái trong Ấn Giáo - mà cũng vì mỗi vị Đạo Sư có một phương pháp

riêng, nên thường người giữ rất kín. Tuy nhiên, ở bên kia Hy Mã Lạp Sơn, phương pháp của các Trường Huyền Bí Học không thay đổi, ngoại trừ trường hợp vị Đạo Sư chỉ là một Lạt Ma tầm thường, không biết gì hơn những kẻ thọ giáo.

Quyển sách mà tôi dựa theo để dịch đây thuộc về một bộ sách, trong đó những đoạn Kinh Văn (Stanzas) của “Thiền Định Chân Kinh” (Book of Dzyan) được dùng làm căn bản để tôi viết bộ “Giáo Lý Bí Truyền” (The Secret Doctrine). “Kim Huấn Thư” cũng chung một nguồn gốc với quyển Paramârtha, theo truyền thuyết thì quyển sách này vốn của các vị Nagas hay “Rắn” (danh hiệu của các vị Đắc Pháp thời xưa) truyền lại cho đức

Long Thọ (Nâgârjuna), một vị Đại La Hán. Tuy nhiên, những câu châm ngôn và những ý tưởng cao siêu, nguyên thủy của kinh này thường được thấy dưới một hình thức khác trong những quyển kinh chữ Bắc Phạn (Sanskrit), như trong quyển kinh luận về thần bí thượng thừa Dnyaneshvari, Krishna miêu tả cho Arjuna nghe bằng những màu sắc rực rỡ, trạng thái của một nhà Yogi hoàn toàn sáng suốt; hoặc trong vài quyển Áo Nghĩa Thư (Upanishads). Điều đó rất tự nhiên vì hầu hết (nếu không phải là tất cả) những vị Đại La Hán, những đệ tử đầu tiên của Phật Thích Ca, và nhất là những vị di cư sang Tây Tạng đều là người Ấn Độ và người Aryans chớ không phải người

Mông Cổ. Chỉ một mình Đức Vô Trước (Aryasangâ) cũng để lại rất nhiều kinh sách.

Nguyên bản của “Kim Huân Thư” khắc trong những khung hình chữ nhật, mỏng, còn những bản sao thường khắc trên những đĩa tròn. Thường người ta cắt những đĩa hay bản sao đó trên bàn thờ của những ngôi đền thuộc những trung tâm có trường dạy “thiền định” hay Mahâyâna (Yogachârya). Những bản đó viết nhiều cách khác nhau, có khi bằng chữ Tây Tạng, nhưng phần nhiều bằng ký hiệu. Ngôn ngữ của tăng lữ dùng (senzar), ngoài bộ chữ cái riêng của nó, còn có thể viết ra theo ký hiệu bí mật có đặc tính tượng hình, hơn là theo lối âm tiết văn tự.

Một phương pháp khác nữa (Tây Tạng gọi là lug) dùng cách viết bằng số và màu, mỗi số tương ứng với một chữ trong bản mẫu tự Tây Tạng (30 chữ đơn và 74 chữ kép), và toàn bộ hợp thành một bản mẫu tự bí mật. Khi người ta dùng chữ tượng hình thì có một cách nhất định để đọc bản văn, thí dụ như trong trường hợp này, những biểu tượng và những dấu hiệu của chiêm tinh học, tức 12 con thú trong hoàng đạo và bảy màu nguyên thủy, mỗi màu có ba hạng: lợt, nguyên thủy và đậm, dùng thế cho 33 chữ cái của bản mẫu tự đơn, cho những chữ, những câu. Theo cách này, 12 con thú lặp lại năm lần, và cặp với ngũ hành và bảy màu, hợp thành một bản mẫu tự đầy đủ, gồm có

60 chữ “thánh” và 12 dấu. Một cái dấu ghi ở đầu bản văn chỉ cho độc giả biết phải đánh vần theo lối Ấn Độ, trong đó mỗi tiếng đều phỏng theo tiếng Bắc Phạn, hay phải đọc theo nguyên tắc chữ tượng hình của người Trung Quốc. Tuy nhiên, cách dễ hơn hết là độc giả không dùng một ngôn ngữ đặc biệt nào, hoặc dùng bất cứ ngôn ngữ nào tùy thích, vì những dấu hiệu và biểu tượng cũng giống như những số hay hình Á Rập, có tính cách quốc tế và là sở hữu chung của các nhà thần bí đặc pháp cùng đệ tử của các Ngài. Một trong các lối viết chữ Tàu cũng có đặc tính như thế, bất kỳ ai biết đặc tính chữ đó đều đọc được dễ dàng, thí dụ một người Nhật có thể đọc theo tiếng Nhật một cách

dễ dàng như người Tàu đọc theo tiếng Tàu vậy.

Kim Huấn Thư gồm có 90 quyển khái luận nhỏ và riêng biệt nhau, trong đó vài quyển đã có trước thời Phật Giáo ra đời. Tôi học thuộc lòng 39 quyển từ nhiều năm qua. Muốn dịch phần còn lại, tôi phải nhờ đến bút ký để rải rác trong vô số tài liệu, và những bút ký thu thập chưa sắp xếp lại trong hai mươi năm chót, như thế công việc không phải dễ. Hơn nữa, tất cả không thể nào đem ra dịch hết để trao truyền cho thế gian quá ích kỷ và đam mê vật chất, chưa chuẩn bị chút nào để xứng đáng thọ lãnh một luân lý cao siêu. Bởi vì chỉ có người nào thành thật bền chí theo đuổi sự tự tri, mới sẵn

sàng lắng tai nghe những giáo huấn như thế.

Tuy nhiên, loại luân lý này đầy rẫy trong những kinh sách Đông Phương, nhất là trong kinh Upanishads, Đức Krishna nói với Arjuna: “Hãy diệt lòng tham sống”. Tham vọng này chỉ dính liền với hình hài, là dụng cụ của phàm ngã biểu hiện, chớ không phải của Chân Ngã “trường cửu, bất hoại, không giết mà cũng không bị giết” (Katha Upanishads). Kinh Sutta Nipāta dạy: “Hãy diệt trừ cảm giác, hãy xem như nhau mọi sự vui, khổ, được, mất, thành, bại.” và thêm: “Chỉ tìm nơi trú ẩn trong vĩnh cửu”. Krishna lặp đi lặp lại theo nhiều cách: “Hãy tiêu diệt cảm giác chia rẽ”; “Nếu cái Trí (Manas) còn chạy

theo những giác quan vẫn vơ, vô định thì sẽ làm cho Linh Hồn (Buddhi) dạt dờ như chiếc thuyền trên sóng nước bị gió thổi lạc đường” (Bhagavadgita II. 70).

Vì thế chúng tôi nghĩ, chỉ nên lựa chọn thật kỹ một ít bài luận thuyết thích hợp nhất, cho một thiểu số người thật có tâm hồn thần bí trong hội Thông Thiên Học, và các bài này chắc chắn đúng với nhu cầu của họ. Chỉ những người đó mới thường thức được những lời sau này của Krishna-Christos, cái “Ta Cao Siêu”:

“Bậc hiền giả không than thở cho người sống hoặc kẻ chết. Tôi, anh, và những kẻ lập qui tắc cho đời, không khi nào không tồn tại trong quá khứ,

và tất cả chúng ta sẽ tồn tại ở tương lai” (Bhagavadgita II.27).

Trong bản dịch này, tôi cố gắng giữ lại vẻ đẹp của câu văn đầy thi vị và bút pháp có nhiều gợi ý của nguyên văn. Độc giả sẽ phán đoán xem sự cố gắng này đã thành công được đến đâu.

H.P.B.

PHẦN I

1. Những lời dạy này dành cho những người chưa biết sự nguy hiểm của những Iddhi (1) bậc thấp.

(1) Iddhi trong tiếng Nam Phạn (Pali) đồng nghĩa với chữ Siddhis trong tiếng Bắc Phạn (Sanskrit), có nghĩa là những quan năng tâm linh, những năng lực phi thường của con người. Có hai loại Siddhis, một loại gồm có những năng lực tâm linh thấp kém, thô sơ; loại khác buộc phải có sự huấn luyện cao đẳng về quyền năng thần bí. Krishna nói trong kinh Shrimad Bhagavad: “ Kẻ nào chuyên tâm thực hành Yoga, chế ngự các giác quan và tập trung cái trí nơi ta (Krishna), kẻ đó là một nhà Yogi mà tất cả những Siddhis đều sẵn sàng để cho người sử dụng.”

2. Ai muốn nghe và hiểu được tiếng Nada (2) “Tiếng Vô Thinh” thì phải học cho biết bản chất của Dhâranâ (3).

(2) Nada: “Tiếng không âm thanh” hay “Tiếng Vô Thinh”, theo tự nghĩa có lẽ phải hiểu là “Tiếng nói từ âm thanh tinh thần” vì trong Sanskrit, chữ Nada tương đương với từ Senzar.

(3) Dhâranâ: là tập trung cao độ, trọn vẹn cái trí vào một đối tượng nội tâm, đồng thời hoàn toàn không chú ý đến mọi sự vật thuộc về vũ trụ bên ngoài hay cảnh giới của các giác quan.

3. Khi đã trở nên lãnh đạm đối với những đối tượng của giác quan, đệ tử phải tìm kiếm chúa tể của ngũ quan, kẻ sản xuất tư tưởng, kẻ gây ra ảo mộng.

4. Cái Trí là tay đại phá hoại Sự Thật.

5. Đệ tử phải trừ khử tay Phá Hoại đó.

Bởi vì:

6. Khi đệ tử xem hình hài của mình dường như không có thật, không khác nào những cảnh vật thấy trong chiêm bao khi thức giấc.

7. Khi đã hết nghe tiếng vạn vật, đệ tử có thể nhận ra Đấng Duy Nhất. Tiếng bên trong giết chết tiếng bên ngoài.

8. Bảy giờ và chỉ đến bảy giờ, đệ tử sẽ bỏ vùng giả tạm (Asat), để vào vùng chân thật (Sat).

9. Trước khi Hồn có thể thấy, phải có sự Điều Hòa bên trong và mắt phàm không còn nhìn thấy một huyễn cảnh nào nữa.

10. Trước khi Hồn có thể nghe, hình ảnh (con người) phải không còn để lọt vào tai, những tiếng gầm thét cũng như những tiếng thì thào, tiếng voi rống

cũng như tiếng vo ve trong tréo của con đom đóm vàng.

11. Trước khi Hồn được hiểu và nhớ, nó phải hợp làm một với Đấng Nói Trong Im Lặng (Silent Speaker), như cái khuôn mẫu từ đó đất được tạo nên hình, hợp làm một với cái trí của người thợ làm đồ gốm.

12. Từ đó, Hồn sẽ nghe và nhớ.

13. Và bên tai của nó,

TIẾNG VÔ THINH

sẽ thốt lên:

14. Nếu Hồn con vui cười khi tắm mình trong bình minh của cuộc đời; nếu Hồn con ca hát trong lót nhung xác thịt trần gian; nếu Hồn con than khóc trong đèn đài mộng huyền của nó; nếu Hồn con vẫy vùng để bút đứt sợi chỉ bạc nối liền nó với Sư Phụ (4) thì con hãy biết, hỡi đệ tử, Hồn con thuộc về trần thế.

(4) “Đại Sư Phụ” là danh từ các đệ tử (lanoos hoặc chelas) dùng để gọi “Cái Ta Cao Siêu” của con người. Danh từ này đồng nghĩa với Avalokiteswara và Adi-Buddha của Phật Giáo Bí Truyền, hay Atma, cái Ta cao siêu của người Bà la môn và Christos của phái Trục Quan thời xưa.

15. Khi Hồn (5) vừa chớm nở của con để tai nghe tiếng náo động của thế gian; khi Hồn con đáp lại tiếng gầm thét của cảnh đại ảo mộng (6); khi Hồn con sợ hãi trước cảnh lụy tuôn vì đau khổ, điếc tai bởi những tiếng kêu khốn khó mà chui rút lại như con rùa nhút nhát trong cái mai Ích Kỷ, thì con hãy biết, hỡi đệ tử, Hồn con là một miếu đường không xứng đáng cho Đấng Thượng Đế Im Lặng của con.

(5) Chữ Hồn ở đây dùng để chỉ Chân Ngã Con Người (Human Ego) hay Manas. Trong cách phân chia theo số 7 huyền bí, ta gọi “Hồn Người” (Human Soul) để phân biệt với Linh Hồn Tinh Thần (Spiritual Soul) và Hồn Thú (Animal Soul).

(6) Maha Maya “Đại Ảo Mộng” là Vũ Trụ khách quan.

16. Khi hồn con trở nên dững mãi vượt ra ngoài chốn ẩn thân yên ổn, thoát khỏi điện thờ của nó, kéo dài sợi chỉ bạc và xông tới trước; khi hồn con nhìn thấy hình ảnh của nó trên những lượn sóng của Không Gian, nó nói thầm: “Đây là Ta” thì con hãy thú nhận, hồi Đệ tử, hồn con bị vướng mắc trong mạng lưới làm lạc (7).

(7) Sakkâyaditthi “làm lạc” cho rằng phàm nhân là ta.

17. Trần gian này, hồi Đệ Tử, là Phòng Đau Khổ, nơi đây dài theo Con Đường với những thử thách kinh khủng, những chạm bẫy rải rác nhốt Chân Ngã con vào vòng lầm lạc gọi là “Đại Tà Thuyết”⁽⁸⁾.

(8) Attavâda: tà thuyết tin có Linh Hồn, hay nói cho đúng là tin có sự chia rẽ giữa Linh Hồn hay Tiểu Ngã với Đại Ngã Duy Nhất, phổ cập, vô tận.

18. Trần gian này, hồi Đệ Tử còn vô minh, chỉ là cái cửa tối tăm dắt đến cảnh lờ mờ trước khi đến thung lũng đầy ánh sáng thật, thứ ánh sáng không gió nào làm tắt được, thứ ánh sáng cháy không cần có tim, có dầu.

19. Đại Luật có nói: “Trước khi biết được Đại Ngã ⁽⁹⁾ con phải biết Chân

Ngã của con”. Muốn biết được Chân Ngã của con thì phải liả bỏ phàm ngã, xem nó không phải là con, liả bỏ sự hiện hữu, xem nó là không hiện hữu, bấy giờ con có thể yên nghỉ trên đôi cánh của con ĐẠI ĐIỀU. Phải đấy, êm đềm thay khi được yên nghỉ trên đôi cánh của cái không sanh, không diệt, đó là AUM (10) xuyên qua thời gian vô tận (11).

(9) Tattvajnani là “kẻ biết” hay người phân biệt được những nguyên lý trong thiên nhiên và trong con người, và Atmajnani là kẻ biết được Atman hay là Đại Ngã Phổ Cập Duy Nhất.

(10) Đại Điều (Great Bird), Kala Hamsa “Chim” hay Hạc. Trong kinh Nadabindu Upanishad (Rig Veda) do Hội Thông Thiên Học ở Kumbakonam phiên dịch có nói “Vân A được xem như cánh bên phải của con Chim,

U như cánh bên trái, M như cái đuôi và Ardhamatra (nửa thước) như cái đầu”.

(11) Người Đông Phương hiểu chữ vô tận khác hơn người Tây Phương. Thường có nghĩa là 100 năm hay tuổi của Brahma, kỳ gian của một Kalpa hay một chu kỳ kéo dài 4.320.000.000 năm.

20. Hãy ngồi lên lưng con Linh Điều của Sự Sống, nếu con muốn biết (12).

(12) Theo kinh Nadabindu được đề cập ở trên: “Đối với nhà Yogi cười hạc (thiền định về tiếng AUM), thế lực của nhân quả hay muôn ngàn tội lỗi không động đến được”.

21. Hãy bỏ đời sống của con, nếu con muốn sống (13).

(13) Hãy bỏ đời sống của phàm ngã, vật chất, nếu con muốn sống trong tinh thần.

22. Hỡi kẻ hành hương mệt mỏi, con phải trải qua Ba Phòng mới hết nỗi nhọc nhằn. Hỡi kẻ chiến thắng Ma Vương, Ba Phòng dắt con qua ba trạng thái ⁽¹⁴⁾ để đến trạng thái thứ tư ⁽¹⁵⁾ và từ đó bước vào bảy cõi ⁽¹⁶⁾, những cõi Yên Nghĩ Đòi Đòi.

(14) Ba trạng thái của tâm thức là: Jagrat, trạng thái Thức Tỉnh; Swapna, trạng thái chiêm bao và Sushupti, trạng thái ngủ mê. Ba trạng thái của nhà Yogi đó dắt đến trạng thái thứ tư hay là:

(15) Turya, bên ngoài trạng thái không chiêm bao, trạng thái cao hơn tất cả, trạng thái siêu việt của tâm thức thần bí.

(16) Vài nhà Thần Bí Đông Phương kể bảy cảnh thực tại, bảy Lokas hay cõi tinh thần trong mình của Kala Hamsa, con hạc ở ngoài vòng thời gian và gian, biến thành con hạc ở

trong thời gian khi nó trở nên Brahmâ thay vì Brahma (trung tính).

23. Nếu con muốn biết tên ba phòng đó thì đây, con hãy nghe và nhớ.

24. Tên của phòng thứ nhất là Phòng Vô Minh - Avidya.

25. Chính phòng đó là nơi con sinh ra đời, nơi con sống và sẽ chết (17).

(17) Cõi trần, chỉ là thế giới hiện tượng của các giác quan và tâm thức hồng trần.

26. Tên phòng thứ nhì là Phòng Học Tập, hay Phòng Thử Thách, nơi đó hồn con sẽ tìm thấy những hoa đẹp của cuộc đời, nhưng dưới mỗi đóa hoa đều có một con rắn nằm khoanh (18).

(18) Cõi trung giới, thế giới tâm linh, nơi có

những nhận thức ngoài tâm tri thức của giác quan và có những cảnh tượng lừa dối, cảnh giới của đồng cốt. Éliphas Lévi gọi là “Xà Tinh”. Không một đóa hoa nào hái nơi miền đó đem xuống cõi trần mà không có một con rắn quấn chung quanh nhánh. Đó là cõi Đại Áo Mộng.

27. Tên của phòng thứ ba là Minh Triết, xa nữa là nước biển AKSHARA không bờ bến, nguồn Toàn Tri Vô Tận (19).

(19) Nơi miền này có tròn đầy Tâm Thức Tinh Thần và không còn mối nguy hiểm nào cho kẻ đã đến được nơi đây.

28. Nếu con muốn an toàn đi ngang qua phòng thứ nhất, thì chớ để cho trí con nhận lầm ngọn lửa đục tình cháy đỏ nơi đó là Ánh Thái Dương của cuộc đời.

29. Nếu con muốn qua khỏi phòng thứ nhì không nguy hiểm, thì chớ dùng chân ngửi mùi hương làm mê man của những đóa hoa ở đó. Nếu con muốn thoát khỏi vòng xiềng xích của Nhân Quả thì chớ tìm Sư Phụ nơi miền Mộng huyễn đó.

30. Bậc Hiền Nhân không lưu luyến các vui thú giác quan.

31. Bậc Hiền Nhân không để tâm đến những giọng đường mật của ảo mộng.

32. Hãy tìm người sanh ra con ⁽²⁰⁾ nơi Phòng Minh Triết ở bên kia, nơi không còn chút bóng tối nào, và nơi mà ánh sáng chân lý chiếu rọi rõ, không bao giờ phai lạt.

(20) Bậc Đắc Pháp trao truyền mối Đạo và dìu dắt đệ tử cho đến khi sinh ra trong cõi

ting thân, hay là sinh lần thứ nhì, được gọi là Cha, Thầy hay Đạo Sư.

33. Nguồn bắt sinh, bắt diệt vốn ở nơi con, hồi đệ tử, cũng như ở trong Phòng này. Nếu con muốn đạt đến trạng thái đó, và hỗn hợp hai cái (cái tạo tác và cái không tạo tác) làm một, thì con phải cởi bỏ lớp y phục đen tối của ảo mộng. Hãy bóp nghẹt tiếng nói của xác thân, chớ để một hình ảnh nào do giác quan tạo ra chẵn ngang giữa ánh sáng của nó và ánh sáng của con, hầu cho hai ánh sáng có thể hỗn hợp làm một. Khi con biết được sự Vô Minh (Ajnana) ⁽²¹⁾ của chính con, thì hãy xa lánh Phòng Học Tập đó. Phòng này rất nguy hiểm với vẻ đẹp giá trị của nó, và chỉ cần thiết cho thời kỳ tập sự của con. Con hãy đề phòng, hồi đệ tử, đừng để cho sự sáng chói hão

huyền làm cho Hồn con chậm bước và mắc vào ánh sáng lừa phỉnh đó.

(21) Ajnana là dốt nát hay là vô minh, trái với trí huệ jnana.

34. Ánh sáng này từ hạt ngọc trên mũ của Ma Vương (22) chiếu ra, làm mê mẩn giác quan, mờ mịt thần trí, và bỏ rơi kẻ khinh xuất như một chiếc tàu hư bị bỏ rơi trên biển cả.

(22) Trong các tôn giáo công truyền thì Mara là con quỷ, nhưng trong triết học bí truyền thì đó là nhân cách hóa sự quyến rũ của những tánh xấu nơi con người, dịch đúng theo tự nghĩa là “cái giết chết” Linh Hồn. Người ta tượng hình nó như một vị Vua (Ma Vương) đầu đội vương miện có một hạt ngọc chiếu sáng làm mù mắt những kẻ nhìn nó; sự

chiếu sáng này cố nhiên là ám chỉ sự mê hoặc của tánh xấu.

35. Con thiêu thân bị ngọn đèn sáng chói hấp dẫn mà phải bị chết sa lầy trong đĩa dầu. Nếu Hồn lơ đãng không vật ngã được con quỷ ngạo nghễ của ảo ảnh, thì Hồn sẽ trở lại trần gian làm nô lệ cho Ma Vương.

36. Hãy nhìn xem những Đoàn Hồn lũ lượt, vùn vờ trên mặt biển ba đào của đời người như thế nào, và sau khi sức đuối, máu rơi, cánh gãy, chúng nổi nhau rớt xuống những lượn sóng to ra sao. Bị cuồng phong dồn dập, bão bùng lôi cuốn, chúng trôi giạt trong những dòng nước cuộn và khi gặp xoáy nước to là bị cuốn đi mất.

37. Khi xuyên qua Phòng Minh Triết, muốn đạt đến Thung Lũng Hạnh phúc

thì hơi đê tử, con hãy đóng chặt giác quan, đừng nghe theo thuyết chia rẽ cực kỳ hung ác, nó làm cho con xa lìa tất cả.

38. Đừng để “dòng dõi Thượng Đế” của con, phải chìm đắm trong biển của Ma Vương, xa lìa Cha Mẹ Vũ Trụ (Đại Hồn), mà hãy để cho lửa mầu rút vào phòng trong cùng, phòng của Trái Tim (23) nơi ngự của Mẹ Thế Giới (24).

(23) Phòng bên trong của trái tim, tiếng Bắc phạn gọi là Brahma poori. “Lửa Mầu” là Kundalini.

(24) “Lửa Mầu” và “Mẹ Thế Giới” là tên của Kundakini, một trong những năng lực thần bí của nhà Yogi. Đó là nguyên lý Bồ Đề về mặt tích cực thay vì tiêu cực (thường người ta chỉ biết Bồ Đề là một dẫn thể, hay cái vỏ để chứa Tinh Thần Tối Cao ATMA). Đây là một sức mạnh điện-tinh thần, một năng lực sáng tạo,

khi được đánh thức để hoạt động thì nó có sức tiêu diệt hoặc sáng tạo.

39. Bảy giờ từ nơi trái tim, Năng Lực này sẽ vượt lên đến tầng thứ sáu, vùng ở giữa đôi mắt, khi đó nó trở thành hơi thở của Linh Hồn Duy Nhất, thành tiếng nói vang rền khắp cả, tiếng nói của Sư Phụ con.

40. Chỉ đến chừng đó, con mới có thể trở thành “Người Du Ngoạn Thiên Cung” (25), tung mây lướt gió, đi trên sóng mà chân không đụng nước.

(25) Keshara, người du ngoạn hoặc “đi trên cõi trời”. Được giải thích trong Adhyaya thứ 6, của quyển Dhyanéshwari, chúa tể của các kinh thân bí: thân thể của nhà Yogi giống như làm bằng gió, như “một vùng mây có mọc ra tay chân”. Sau đó “người (yogi) thấy được những vật xa tận bên kia biển và những ngôi

sao; nghe và hiểu được tiếng của Chư Thiên và biết được những gì xảy ra trong trí của con kiến.”

41. Trước khi đặt chân lên nấc thang trên cao, cây thang của những âm giai thần bí, con phải nghe bảy thứ tiếng của THƯỢNG ĐẾ bên trong con (tức Cái Ngã Cao Siêu).

42. Tiếng thứ nhất giống như tiếng du dương của chim họa mi, hát cho chim mái nghe một khúc hát chia ly.

43. Tiếng thứ nhì giống như tiếng chập chĩa bằng bạc của các vị Thiên Tôn (Dhyanis) đánh thức các ngôi sao lấp lánh.

44. Tiếng kế đó giống như tiếng than thở nhẹ nhàng của con thủy quái bị nhốt trong cái vỏ của nó.

45. Tiếp theo là tiếng của đàn Vina (26).

(26) Vina là loại đàn dây của Ấn Độ, giống như đàn Tì bà.

46. Tiếng thứ năm giống như tiếng sáo trúc xoáy vào tai.

47. Kế đó nó trở thành tiếng kèn đồng chất chúa.

48. Tiếng chót hết rung chuyển như tiếng gầm rền rĩ trong đám mây đen trước cơn bão tố.

49. Tiếng thứ bảy át mất tất cả những tiếng kia, không còn nghe gì nữa.

50. Khi sáu thứ tiếng ⁽²⁷⁾ bị giết chết và đặt dưới chân Sư Phụ, thì đệ tử nhập vào Nhất Nguyên ⁽²⁸⁾ trở nên Nhất Nguyên đó và sống trong đó.

(27) Sáu nguyên lý (principles); tức là khi phàm ngã bị tiêu diệt và chân ngã bên trong sát nhập và mất trong nguyên lý Thứ Bảy hay Tinh Thần.

(28) Vị đệ tử hợp làm một với Brahmâ hay ATMAN.

51. Trước khi vào được con đường này, con phải diệt trừ thể vía (29) của con, lau chùi thể trí (30) và rửa lòng con cho trong sạch.

(29) Thể vía (thể tình cảm) do nguyên lý cảm dục tạo nên gọi là Kama rupa hay là thể của sự ham muốn.

(30) Manasa rupa: thứ nhất, nó chỉ cái vía hay cái Ngã cá nhân, thứ nhì, nó chỉ cá tính hay Chân Ngã luân hồi, mà tâm thức ở cõi trần hay Hạ Trí của nó cần phải được đình chỉ lại.

52. Nước tinh anh trong suốt của sự sống trường tồn, không thể nào hỗn hợp vào trong dòng nước lẫn bùn sau cơn bão tố.

53. Giọt sương chiếu sáng trong tia nắng ban mai, giữa cánh hoa sen tinh khiết biến thành đất sét khi rớt xuống đất, thế là hòn ngọc đã hóa ra bùn.

54. Hãy chiến đấu với những tư tưởng ô trọc của con trước khi nó áp chế được con. Hãy sử dụng nó y như nó sử dụng con vậy, nếu con không thẳng tay với nó, để nó mọc rễ, đâm chồi thì con hãy biết, những tư tưởng đó sẽ quật ngã và giết chết con. Hỡi đệ tử, hãy đề phòng dù cái bóng của nó cũng đừng đến gần. Vì nó sẽ lớn, mạnh; cái vật xấu xa đen tối đó sẽ xâm nhập vào người con, trước khi con nhận ra được hình thù ghê gớm của con quái vật ô trọc đó.

55. Hỡi đệ tử, hãy đào luyện cho có được khả năng giết chết thể vía theo ý muốn, trước khi “Năng Lực thần bí” (31)

có thể làm con trở thành một bậc thần tiên.

(31) Kundalini được gọi là “quyền lực uốn khúc như con rắn” hay tròn như chiếc nhẫn, vì nó tiến theo hình xoắn ốc trong thân thể của nhà Yogi đã phát triển được quyền lực đó nơi người. Nó là một năng lực có tính chất như điện, như lửa huyền bí hay Fohat, một năng lực nguyên sơ vĩ đại, tiềm tàng trong mọi chất hữu cơ và vô cơ.

56. Cái Ta Vật Chất và cái Ta Tinh Thần không khi nào gặp được nhau. Phải có một cái mất đi, vì không có chỗ cho cả hai.

57. Con phải bóp nát cái mầm phàm nhân, và giết chết con sâu giác quan, để nó không còn có thể sống lại, đến khi đó, trí của Linh Hồn mới có thể hiểu.

58. Con không thể đi trên Đường Đạo, nếu chính con chưa trở thành Con Đường đó (32).

(32) Con đường này được nói đến trong mọi Tác Phẩm Thần Bí. Như Krishna nói trong kinh Dhyaneswari: “Khi được nhìn thấy con Đường này... dù người ta bắt đầu từ phương đông hay phương tây, không di động, hỡi người cầm cung tên, tức người đang đi trên đường này. Trong con đường này, người ta đi đến nơi nào thì chính người ta trở thành nơi đó”. “Người là Con Đường” là câu nói với vị Sư Phụ và kẻ đó với người Đệ Tử sau khi điểm đạo. Một Đức Thầy khác nói: “Ta là lối đi và Đường Đạo”.

59. Hãy để cho Hồn con lắng tai nghe mọi tiếng đau khổ, như hoa sen nở lớn để hứng ánh sáng mặt trời buổi ban mai.

60. Đừng để nắng gắt làm khô một giọt nước mắt đau khổ nào, trước khi con lau ráo lệ cho đôi mắt của người khôn khổ.

61. Hãy để những giọt nước mắt nóng hổi của thế nhân rơi vào lòng con, đọng lại nơi tim con, không lau đi trước khi nguyên nhân gây đau khổ tiêu tan.

62. Hỡi người có tấm lòng từ bi, những giọt nước mắt đó là những suối nước tưới mát cánh đồng từ thiện bất diệt. Chính nơi mảnh đất đó trổ hoa nửa đêm của Phật (33), thứ hoa này rất khó tìm, khó gặp hơn hoa của cây Vogay. Đó là hạt giống để thoát ly vòng sinh tử. Nó tách riêng vị La Hán ra ngoài vòng tranh đấu và tham vọng, nó dắt người xuyên qua những cánh đồng của Thực Tại để đến nơi an lạc, chân phúc, chỉ thấy được nơi cõi Tịch Mịch, Hư Vô.

(33) Adeptship: quả vị Chân Tiên, nở hoa Bồ Tát.

63. Hãy diệt lòng tham vọng, và khi giết nó rồi, con cũng phải đề phòng e rằng nó sẽ sống lại.

64. Hãy diệt lòng tham sống, tuy nhiên con không nên vì khao khát đời sống trường cửu mà diệt lòng khao khát sự sống (tanha) ⁽³⁴⁾ nhưng chỉ vì muốn thay cái biến đổi vô thường bằng cái thường hằng.

(34) Tanha (ý muốn sống), lòng ham sống, sợ chết, sức mạnh hay năng lực này là nguyên nhân của sự tái sinh.

65. Không ham muốn gì hết. Không phần uất đối với Nghiệp Quả và những luật bất di, bất dịch của Thiên Nhiên.

Chỉ nên chiến đấu với bản thân riêng tư, cái tạm thời, ngắn ngủi và hư hoại.

66. Con hãy trợ giúp và cộng tác với Thiên Nhiên; và Thiên Nhiên sẽ coi con như một trong những tay sáng tạo và sẽ phục tùng con.

67. Thiên Nhiên sẽ mở rộng các cửa bí mật trước mặt con, để lộ dưới tầm mắt con những kho báu vật dấu kín ở tận đáy lòng trong sạch và tinh khiết của tạo vật. Tay phàm không thể nào làm hoen ố được nơi ấy, nó chỉ phô bày những kho báu của nó dưới con mắt Tinh Thần, con mắt không khi nào nhắm, và đối với con mắt đó không còn bức màn nào che án trước bất kỳ cảnh nào của tạo vật.

68. Bây giờ Thiên Nhiên sẽ chỉ cho con thấy phương tiện và con đường, cánh cửa thứ nhất, thứ nhì, thứ ba cho đến

thứ bảy. Rồi đến mục đích, xa nữa là những vinh quang cực điểm tắm trong ánh thái dương của Tinh Thần, thế gian không ai thấy được những quang vinh đó, ngoại trừ con mắt của Linh Hồn.

69. Chỉ có một con đường dẫn đến Đường Đạo, và chỉ ở nút con đường đó, ta mới nghe được “Tiếng Vô Thinh”. Cái thang mà người học đạo phải leo lên, được tạo thành bởi những nấc thang đau khổ và khó nhọc; chỉ có tiếng nói của đức hạnh mới đánh tan giọng náo nùng của những nấc thang đó. Bởi thế, hồi đệ tử, nếu con còn một tính xấu nào chưa bỏ lại phía sau, thì nguy cho con đó. Vì khi ấy cái thang sẽ bị gãy làm con té; chân thang đặt trên bùn lầy của những tội lỗi và sa ngã của con, và trước khi có thể lội ngang qua cái hồ vật chất đó con phải rửa sạch chân con

trong Nước Từ Bỏ. Con hãy cẩn thận, chớ vội đặt chân còn dính bùn lên nấc thang thấp nhất. Rất nguy cho ai chân còn lấm bùn mà dám cả gan làm dơ bẩn một nấc thang nào. Bùn lầy như bầy và trơn nhớt sẽ khô cứng và gấn dính chân người tại chỗ, không khác nào một con chim bị dính nhựa của người bắt chim quỉ quyết, sẽ không thể nào đi xa hơn nữa. Những tánh xấu của người sẽ thành hình và lôi kéo người xuống thấp. Những tội lỗi của người sẽ trở giọng như sơn cầu hú vang tiếng cười, tiếng khóc nức nở trong buổi hoàng hôn; tư tưởng của người trở thành đoàn, thành lũ bắt giam người lại.

70. Hãy diệt những dục vọng của con, hơi đệ tử, hãy làm cho những tánh xấu của con mất hết mãnh lực trước khi đặt bước trên hành trình nghiêm trọng này.

71. Hãy bóp nghẹt các tội lỗi của con và làm cho chúng ngậm miệng đến cùng, trước khi đặt chân leo lên cây thang.

72. Hãy làm tư tưởng của con yên lặng và đặt tất cả sức chú ý vào Đức Sư Phụ mà con chưa thấy, nhưng con cảm nhận được.

73. Hãy gom hết lực thức vào trong một thức, nếu con muốn được yên ổn trước kẻ nghịch. Thức này nằm ẩn giấu trong khoảng trống của não bộ, và cặp mắt yếu ớt của Linh Hồn chỉ do nơi đó mới có thể tìm ra con đường hiểm trở dẫn đến Sư Phụ của con.

74. Hỡi đệ tử, con đường trước mắt con còn dài và khó nhọc. Chỉ một tư tưởng gọi lại quá khứ mà con đã bỏ lại phía sau cũng sẽ kéo con rơi xuống, và con phải bắt đầu leo lại.

75. Hãy tận diệt nơi con mọi hoài ức về dĩ vãng. Đừng ngó lại phía sau, bằng không sẽ nguy cho con đó.

76. Con chớ tưởng là con người có thể trừ khử tánh dâm dật bằng cách thỏa mãn nó, đó là một điều gớm ghiếc do ma vương xúi giục. Chính do sự nuôi dưỡng tánh xấu, con người làm cho nó thêm to, thêm mạnh, cũng như con sâu do ăn hoa mà lớn.

77. Đóa hoa hồng phải thu mình trở lại mầm non trên cành mẹ, trước khi con ký sinh trùng ăn thấu đến tim và hút hết nhựa sống.

78. Cây vàng nẩy sanh chồi báu trước khi giông tố làm cho rời rã thân cây.

79. Con phải trở lại tuổi thơ ngây mà con đã để mất, trước khi tiếng thú nhát có thể vẳng đến tai con.

80. Ánh sáng của Sur Phụ Duy Nhất, ánh kim quang độc nhất không bao giờ phai mờ của Tinh Thần, phóng tia sáng rực rỡ xuống cho đệ tử vào buổi đầu tiên. Những tia sáng đó xuyên qua những đám mây vật chất dày đặc và tối đen.

81. Những tia sáng đó chiếu sáng nơi này, nơi khác, cũng như những tia sáng mặt trời soi sáng trái đất xuyên qua đám lá dày đặc của rừng già. Nhưng hơi Đệ Tử, ít nữa là xác thân con phải thụ động, đầu con lạnh, hồn con vững vàng, tinh khiết như viên kim cương sáng rỡ, bằng không thì tia sáng sẽ không thấu đến cung vi (xem giải thích 23), ánh sáng sẽ không làm ấm áp tim con và những tiếng diệu huyền của cõi Akasha cao ngất ⁽³⁵⁾ sẽ không thấu đến

tai, mặc dù tai tận tình nghe ngóng trong thời kỳ thứ nhất.

(35) Những âm thanh huyền bí, âm điệu du dương mà nhà tu khổ hạnh nghe được lúc ban đầu chu kỳ tham thiền, nhà Yogi gọi là Anâhad-shabd.

82. Trừ phi con phải nghe, bằng không con không thể thấy.

83. Trừ phi con phải thấy, bằng không con không thể nghe. Nghe và thấy, đó là thời kỳ thứ hai.

84. Khi đệ tử thấy và nghe, nghĩ và nếm trong khi mắt, tai đều bịt lại, với mũi và miệng đều ngưng hoạt động. Khi bốn giác quan hỗn hợp làm một và sẵn sàng nhập vào giác quan thứ năm – nội xúc giác – khi ấy con đã qua được thời kỳ thứ tư.

85. Hỡi kẻ diệt tư tưởng, trong thời kỳ thứ năm tất cả đều phải diệt trừ một lần nữa để chúng không thể nào sống lại được (36).

(36) Điều này có nghĩa là giai đoạn thứ sáu trong đường phát triển, huyền bí học gọi là Dhâranâ, mọi giác quan có tính cách như một quan năng riêng biệt đều phải được giết chết (hay bị làm cho tê liệt) ở cảnh giới này, bằng cách nhập nó vào giác quan thứ bảy, tinh thần siêu đẳng.

86. Hãy thu lại cái trí của con khỏi mọi đối tượng bên ngoài, khỏi mọi cảnh trí ngoại giới. Hãy giữ gìn những hình ảnh bên trong, e rằng nó rọi bóng tối lên trên ánh sáng của Linh Hồn.

**87. Bây giờ con ở trong Dhâranâ (37),
Giai đoạn thứ sáu.**

(37) Xem giải thích số 3

88. Khi con vào được giai đoạn thứ bảy thì hữu phước thay, con sẽ không còn nhận thấy ba ngôi thiêng liêng ⁽³⁸⁾ nữa, bởi vì chính con sẽ trở nên ba ngôi đó. Chính con và cái trí giống như hai trẻ sanh đôi đứng trên một đường, và ngôi sao ⁽³⁹⁾ vốn là mục đích của con chiếu sáng trên đầu con vậy. Ba ngôi ở trong cảnh chí phúc, vinh quang không thể tả, bấy giờ đã mất hết tên tuổi trong thế giới Áo Mộng. Chúng đã trở nên một ngôi sao duy nhất, lửa hồng cháy mãi không khi nào tàn, lửa này là Upadhi ⁽⁴⁰⁾ của Ngọn Lửa.

(38) Mỗi thời kỳ phát triển trong Raja Yoga được tượng trưng bằng một biểu tượng hình học. Đây là hình tam giác thiêng liêng và đến

trước Dhâranâ. Hình “tam giác” là dấu hiệu của những đệ tử cao cấp, còn hình tam giác kiểu khác nữa là dấu hiệu của những bậc đắc quả vị cao. Đó là chữ “Ta” mà Đức Phật đã nói và dùng để tượng trưng cho nhục thân của Đấng Như Lai khi Ngài đã thoát ly ba phương pháp Bát Nhã. Khi đã vượt qua giai đoạn chuẩn bị thấp, vị đệ tử không còn nhìn thấy “tam giác” nữa mà chỉ thấy – sự tóm tắt của – cái Bảy nguyên vẹn. Hình thật sự của nó không được cho biết ở đây, vì chắc là nó sẽ bị những tay dôi trá vớ lấy và dùng vào những việc phạm thượng, bất lương.

(39) Ngôi sao chiếu sáng trên đầu là “ngôi sao điểm đạo”. Dấu hiệu giai cấp của Saivas, tín đồ phái Siva, vị đỡ đầu của tất cả các nhà Yogi là một điểm đen tròn, hiện nay có lẽ là tượng trưng của mặt Trời, nhưng ngày xưa là tượng trưng của ngôi sao điểm đạo trong Huyền Bí Học.

(40) Căn bản (Upadhi) của ngọn lửa mà nếu nhà tu luyện còn tại thế thì không khi nào đạt đến.

89. Hỡi nhà Yogi thành công, chính đây là giai đoạn mà thiên hạ gọi là Dhyâna (41) kể đến trước cửa Samâdhi (42).

(41) Dhyâna là giai đoạn áp chót, trước giai đoạn cuối cùng ở địa cầu này, trừ phi con người trở thành một vị Chân Sư hoàn toàn (Mahatma). Như đã nói, trong trạng thái này nhà Raja Yogi vẫn còn ý thức về bản ngã, và hoạt động trong những nguyên lý cao của người. Nếu tiến thêm một bước nữa thì người sẽ vượt khỏi giai đoạn thứ bảy (hay thứ tư theo vài học phái khác). Những vị này, sau khi thực hành Pratyahara – sự luyện tập để kiểm soát cái trí và tư tưởng – ba giai đoạn Dhârana, Dhyâna và Samâdhi được gọi chung là Sannyama.

(42) *Samâdhi là trạng thái trong đó nhà tu luyện không còn ý thức đến mọi cá nhân, và cả chính họ nữa. Họ trở thành – Tất Cả.*

90. Và bây giờ phạm ngã của con bị biến mất trong Chân Ngã, tiểu ngã của con tự mất trong chính Đại Ngã Của Con, thâm nhập vào trong Đại Ngã mà trước kia con đã từ đó phóng chiếu ra.

91. Hỡi đệ tử, còn đâu là cá tính của con, đâu là chính đệ tử? Tia lửa đã mất trong ngọn lửa, giọt nước trong biển cả, Tia Sáng luôn luôn hiện hữu đã trở nên Toàn Thể và sự phóng quang bất diệt.

92. Hỡi đệ tử, bây giờ con là người hành động, cũng là chứng nhân, là máy phóng quang, cũng là sự phóng quang, Ánh Sáng trong Âm Thanh và Âm Thanh trong Ánh Sáng.

93. Hỡi kẻ hữu phước, con đã quen với năm mỗi chướng ngại. Con đã chinh phục cả năm, làm chủ cái thứ sáu, phân phát bốn thể thức của Chân lý (43). Ánh sáng chiếu xuống chúng nó vốn từ nơi con phát ra, trước kia con là đệ tử nay là Sư Phụ.

(43) Bốn thể thức chân lý theo Phật Giáo Phương Bắc là Ku “đau khổ hay khốn cùng”; Tu “mọi sự cảm dỗ”; Mu “sự tiêu diệt những cảm dỗ” và Tau, “con đường”. Năm “mỗi chướng ngại” là nhận thức sự khốn khổ, chân lý về sự yếu đuối của con người, những sự kiềm chế bắt buộc, và sự cần thiết tuyệt đối phải liả bỏ tất cả những trói buộc của những đam mê và ngay cả những ham muốn. Cuối cùng là “Con Đường Cứu Rỗi”.

Và đối với những thể thức của Chân Lý này:

94. Con đã không trải qua mọi kinh nghiệm khôn khéo sao? Chân lý thứ nhất.

95. Con đã không thắng được Vua của các loài Ma Vương nơi cửa đại hội (44) sao? Chân lý thứ nhì.

(44) Vua của các Ma Vương đứng nơi cửa “đại hội” cố làm mù quáng thị sinh bằng hội ngọc chói sáng của nó.

96. Con đã không ở nơi cửa thứ ba, diệt tiêu tội lỗi và hoạch đắc chân lý thứ ba sao?

97. Con đã không vào trong TAU “Con Đường” dắt đến trí tuệ sao? Chân lý thứ tư? (45)

(45) Đây là con đường thứ tư trong năm con đường luân hồi dẫn dắt và ném tất cả nhân

loại vào những trạng huống khổ và vui không dứt, những “con đường” đó chỉ là những chi phần của một con đường duy nhất, con đường theo Nghiệp Quả.

98. Và bây giờ con hãy yên nghỉ dưới cội Bồ Đề, là trí tuệ viên mãn, vì con biết con là Bạc Thầy của pháp Samâdhi, trạng thái của sự nhìn không còn làm lạc nữa.

99. Con hãy xem! con đã trở thành ánh sáng, con đã trở nên âm thanh, con là Sư Phụ của con, Thượng Đế của con. Chính con là mục đích mà con tìm kiếm; TIẾNG liên tục, vang lên vô tận, không biến đổi, miễn trừ tội lỗi, bảy thứ tiếng gồm trong một tiếng:

TIẾNG VÔ THINH

100. Om Tat Sat



PHẦN II



HAI CON ĐƯỜNG

101. Và bây giờ, bạch Sư Phụ Từ Bi, xin Ngài chỉ đường cho kẻ khác. Ngài hãy xem, tất cả những kẻ đến gõ cửa để được thấu nhận đang ở trong cảnh dốt nát, tối tăm chờ mong cửa Diệu Pháp mở rộng.

Tiếng của các Thí Sinh:

102. Hỡi Đức Thầy Từ Ái, Ngài không tiết lộ Tâm Pháp ⁽¹⁾ sao? Ngài từ chối dù dắt những Người Phụng Sự Ngài vào con đường Giải Thoát sao?

(1) Hai học phái trong Phật pháp, bí truyền và công truyền, được gọi là “Tâm Pháp” và “Nhân Pháp”. Đức Bồ Đề Đạt Ma khi sang

Trung Hoa, gọi chúng là: Tsung-men (bí truyền) và Kiau-men (công truyền), từ đó những danh từ này truyền sang Tây Tạng. Được gọi là “Tâm Pháp” vì giáo pháp đó xuất phát từ tâm Đức Phật, còn “Nhân Pháp” là sản phẩm của trí não Ngài. “Tâm Pháp” cũng còn được gọi là “dấu ấn chân lý” hay “chân ấn”, một biểu tượng mà người ta thấy để trên đầu của hầu hết những kinh sách bí truyền.

Đức Thầy nói:

103. Con đường có hai (xem câu 179); Sự Chí Thiện có ba (xem câu 306 & chú giải); sáu Đức Hạnh (xem câu 198, 206) biến đổi thân hình thành Cây Trí Tuệ (2).

(2) “Cây Trí Tuệ” là danh từ mà các môn đồ của Bồ Đề Đạt Ma (tôn giáo căn cứ nơi trí huệ Minh Triết) gọi những kẻ đã đạt đến

những trạng thái cao thâm của tri thức thần bí (Chân Tiên). Đức Long Thọ (Nâgârjuna) sáng lập Trường Phái Trung Quán Luận (Madhyamika) được gọi là “Cây Rồng”, Rồng là biểu tượng của Minh Triết và Trí huệ. Cái cây được tôn vinh vì chính dưới cội Bồ Đề (Minh Triết) mà Đức Phật sinh ra đời, giác ngộ, thuyết pháp lần đầu tiên và tịch diệt.

104. Ai sẽ bước đến gần?

105. Ai sẽ vào trước?

106. Ai là người thứ nhất nghe giáo lý của hai Con Đường trong một, chân lý tiết lộ Tâm Pháp (3). Pháp môn bảo đừng học, pháp môn đó dạy Minh Triết và tiết lộ một câu chuyện đau thương.

(3) “Tâm Pháp” là giáo lý bí truyền.

107. Hỡi ôi! Hỡi ôi! tất cả mọi người đều có Alaya (A-lại-gia-thức hay tàng thức) nơi mình, đều là một với Đại Hồn và sở hữu nó, mà không mấy ai biết sử dụng Alaya.

108. Hãy xem, cũng như mặt trăng phản chiếu xuống mặt nước yên lặng, Alaya phản chiếu trong vật nhỏ cũng như vật lớn, nó soi bóng trong các hạt nguyên tử nhỏ bé nhất, nhưng không thể đạt đến tâm của tất cả. Hỡi ôi! có quá ít người lợi dụng được tạng vật vô giá là sự học hỏi chân lý, sự nhận thức đúng đắn về các sự vật hiện hữu, sự Tri Thức cái không hiện hữu.

Đệ Tử hỏi:

109. Bạch Thầy, con phải làm thế nào để đạt được Minh Triết?

110. Thưa Đấng Sáng Suốt, con phải làm thế nào để được toàn thiện?

111. Hãy tìm kiếm Con Đường, hỡi Đệ Tử, con phải có tấm lòng trong sạch trước khi bắt đầu cuộc hành trình của con. Trước khi cất bước ra đi, con phải tập phân biệt cái chân và cái giả, cái vô thường và cái trường cửu. Trên hết mọi sự con phải tập phân biệt giữa sự học của Đầu Óc và sự Minh Triết của Linh Hồn, “Nhân” pháp và “Tâm” pháp.

112. Sự vô minh giống như một cái hũ đậy kín, không có không khí; linh hồn như con chim bị nhốt trong hũ, nó hết hót líu lo, đập lông vỗ cánh; con chim câm lặng, tê cóng và chết mòn.

113. Tuy nhiên, sự không hiểu biết còn hơn sự học của Đầu Óc mà không có Minh Triết của Linh Hồn soi sáng và hướng dẫn.

114. Hạt giống Minh Triết không thể đâm chồi và phát triển trong chỗ không có khí trời. Muốn sống và gặt hái kinh nghiệm, trí phải hiểu rộng và sâu, và có những điểm kéo nó đến Linh Hồn Kim Cương (4). Không nên tìm những điểm đó trong cõi của Ma Vương; hãy bay vút lên khỏi ảo cảnh để tìm “SAT” (5) tồn tại đời đời, không thay đổi, và con phải đề phòng những gọi ý giả dối tưởng tượng.

(4) “Linh Hồn Kim Cương” “Vajrasattva” là danh hiệu của Đức Phật Tối Cao, “Chúa tể của tất cả những sự Huyền Bí” gọi là Vajradhara và A Di Đà Phật.

(5) SAT, cái một trường tồn và Chân Lý Thực Tại Tuyệt Đối, ngoài ra tất cả đều là ảo ảnh.

115. Vì cái trí giống như tấm gương, trong khi phản chiếu (6), nó bị phủ bụi

bậm. Cần có ngọn gió Minh Triết êm dịu của Linh Hồn mới thổi bay bụi trần ảo mộng của chúng ta. Hỡi đệ tử Sơ Cơ, con hãy tìm cách hòa hợp trí và tâm hồn con lại.

(6) Giáo lý của Thần Tú dạy: cái trí con người giống như một tấm gương thu hút và phản chiếu mọi nguyên tử bụi bậm; như tấm gương đó, ta phải trông chừng và phủi bụi mỗi ngày. Thần Tú là Tổ thứ sáu của Bắc Trung Hoa giảng dạy giáo lý bí truyền của Bồ Đề Đạt Ma.

116. Hãy xa lánh sự vô minh, và cũng phải lánh xa ảo ảnh. Hãy ngoảnh mặt, đừng nhìn những phỉnh lừa của trần thế; đừng tin vào giác quan của con, chúng sai lạc. Nhưng trong xác thân con - cái đèn thờ chứa cảm giác - hãy tìm “con người trường cửu” (7) trong cái

Vô Ngã, và khi tìm được rồi con hãy nhìn trở vào trong: con là Phật (8).

(7) Phật giáo phương Bắc gọi Chân Ngã đang luân hồi là “con người thật”, người nào hợp nhất được với Cái Ta Cao Siêu của mình là thành Phật.

(8) “Phật” nghĩa là “Giác Ngộ”.

117. Hãy xa lánh lời ca tụng, hỡi kẻ nhiệt tâm sùng đạo, lời ca tụng đưa đến ảo tưởng về cái tôi. Xác thân không phải là con đâu, Chân Ngã con không có thân và lời khen chê đều không ảnh hưởng đến nó.

118. Tự mình xưng tụng lấy mình, hỡi đệ tử, không khác nào kẻ ngông cuồng leo lên tháp cao ngồi tự đắc, không còn thấy ai khác, ngoài mình.

119. Cái học sai lầm bị nhà Hiền Triết bác bỏ, và Định Luật tốt lành tung nó bay theo gió. Bánh xe pháp quay cho tất cả mọi người, kẻ khiêm tốn cũng như kẻ kiêu căng. “Nhãn Pháp” (9) dành cho quần chúng, “Tâm Pháp” dành cho người được tuyển chọn. Hạng người thứ nhất lập lại một cách kiêu hãnh: “Hãy xem! Tôi biết.” Hạng người thứ nhì thu nhận một cách khiêm tốn và nhỏ nhẹ thú nhận : “Đây là điều tôi đã nghe được (10)”.

(9) Xem giải thích số 1. Phật Giáo công truyền của quần chúng.

(10) Câu “như thị ngã văn” thường để trước kinh sách Phật giáo, có nghĩa là được ghi lại do nghe trực tiếp từ lời nói của Đức Phật và các vị La Hán.

120. Hối Đệ tử, “Cái Sàng Lớn” là danh từ để gọi “Tâm Pháp”.

121. Bánh xe Diệu Pháp chuyển động mau lẹ. Nó xay cả ngày lẫn đêm, làm tróc lớp vỏ vô giá trị của hạt lúa vàng, loại bỏ chất vô dụng ra khỏi bột. Bàn tay Nhân Quả điều khiển bánh xe, sự tuần hoàn đánh dấu nhịp đập của trái tim Nhân Quả.

122. Chân tri thức là bột, sự học sai lầm là trấu. Nếu con muốn ăn bánh Minh Triết thì con phải nhồi bột với nước Amrita (bất tử) trong ngần. Nhưng nếu con nhồi trấu với nước sương mù Mộng Ảo thì con chỉ có thể làm ra món ăn cho loài chim đen của sự chết, sự sinh, sự hủy hoại và đau khổ.

123. Nếu ai nói với con rằng, muốn thành La Hán con phải chấm dứt tình

thương đối với chúng sinh, thì con hãy trả lời là họ nói dối.

124. Nếu ai nói với con rằng, muốn được giải thoát con phải ghét mẹ, không quan tâm đến con cái, không nhìn cha nữa mà chỉ gọi người là “gia chủ” (11), vì con phải từ bỏ lòng thương xót đối với người và vật, thì con hãy cho họ biết là họ nói sai.

(11) Rathapála gọi cha như thế trong câu chuyện Rathapala Sutrasanne, (đây chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn ẩn dụ), đề cập đến câu chuyện này để quở trách những người chỉ hiểu theo nghĩa đen.

125. Đó là học thuyết của bọn Tirthikas, hạng người ngoại đạo (người Bà La Môn khô hạnh).

126. Nếu ai dạy con rằng tội lỗi do hành động gây ra và muốn có hạnh phúc phải

đừng làm gì hết, con hãy nói cho họ biết là họ lầm. Không tiếp tục công việc của loài người, giải thoát tâm trí khỏi vòng nô lệ bằng cách ngưng làm tội lỗi suông, không phải là việc thích đáng cho Chân Ngã đang luân hồi. Đó là lời của “Tâm Pháp”.

127. “Nhân Pháp” là hiện thân của cái bên ngoài và cái không tồn tại.

128. “Tâm Pháp” là hiện thân của Bồ Đề (chân Minh Triết Thiêng Liêng), cái Thường Trụ và Vĩnh Cửu.

129. Cái Đèn cháy tỏ rạng khi tim và dầu đều sạch sẽ. Muốn cho tim và dầu được sạch thì phải có người sẵn sóc lau chùi. Ngọn lửa không biết tiến trình của sự lau chùi đó. “Các nhánh cây bị gió lay động, nhưng thân cây vẫn đứng yên”.

130. Sự hành động và bất động đều ở nơi con. Xác thân con cử động, trí con yên tịnh, Linh Hồn con trong suốt như nước hồ trên đỉnh núi cao.

131. Con có muốn trở nên một nhà Yogi trong “Vòng Thời Gian” không? Nếu có thì hỏi Đệ Tử:

132. Con chớ tin là ngồi trong rừng sâu, kiêu hãnh sống riêng biệt với người đời; con chớ tin là đói ăn rễ cây và thực vật, khát uống nước tuyết. Hỏi người mộ đạo, không nên tin là những điều đó sẽ dắt con đến mục đích giải thoát cuối cùng.

133. Con chớ tưởng rằng tự làm cho mình gãy xương, rách thịt là hợp nhất được với “Chân Ngã Tịch Tĩnh” (12) của con. Con chớ tưởng rằng khi đã thắng được tội lỗi của xác thân, hỏi Nạn Nhân của Hình Bóng mình (13), thì bốn phạm

của con đã hoàn thành đối với thiên nhiên và con người.

(12) Cái Ta Cao Siêu, nguyên lý thứ bảy.

(13) Các trường huyền bí gọi thể xác của con người là “Cái Bóng”.

134. Những bậc hiền nhân khinh miệt những hành động như thế. Vị Sư Tử Pháp, Đấng Từ Bi Vô Lượng (Đức Phật) hiểu rõ nguyên nhân của sự đau khổ ở thế gian, liền từ bỏ ngay sự yên nghỉ êm đềm nhưng ích kỷ nơi chốn rừng hoang tịch mịch. Bỏ cảnh Aranyaka ⁽¹⁴⁾, trở ra đời làm Thầy của nhân loại. Sau khi Như Lai ⁽¹⁵⁾ đạt Niết Bàn, Ngài đi thuyết giảng khắp chốn núi non, đồng nội, cũng như trong các đô thị cho Thiên Thần và Người ⁽¹⁶⁾.

(14) Nhà ẩn tu, rút lui và sống trong rừng rậm khi đã trở nên vị Yogi.

(15) Như Lai, tiếng Trung Hoa chỉ vị Tathâgata danh hiệu của các Đức Phật.

(16) Theo truyền thống của Phật Giáo Phương Bắc và Phương Nam đều đồng ý rằng Đức Phật rời bỏ cảnh cô tịch, khi Ngài đã giải quyết được vấn đề của sự sống; Ngài giác ngộ, và đi dạy dỗ nhân loại.

135. Hãy gieo những hành vi tốt lành và con sẽ gặt hái kết quả của chúng. Bỏ qua một hành động nhân từ, tức là làm một hành động tội lỗi nặng nề.

Bậc hiền triết nói như thế.

136. Con còn lẩn tránh hoạt động nữa chăng? Không phải sự lẩn tránh hoạt động sẽ làm cho linh hồn con được tự do. Muốn đạt đến Niết Bàn phải đạt sự Tự Tri, và sự Tự Tri vốn là con đẻ của những việc làm tốt lành.

137. Hỡi Thí Sinh, con phải kiên nhẫn như kẻ không sợ sự thất bại, không theo đuổi sự thành công. Linh Hồn con phải nhìn chăm chú vào ngôi sao mà con là tia sáng của nó (17); Ngôi sao chói lọi trong chôn sâu thẳm, tối tăm của bản thể trường tồn, trong cõi vô biên vô tận của cái Bất Khả Tri.

(17) Theo giáo lý bí truyền thì mỗi Chân Ngã là một tia sáng của một vị “Hành Tinh Thượng Đế”.

138. Con hãy bền chí như một kẻ làm việc để sống đời đời. Những hình bóng của con sống và tàn tạ (18). Cái sẽ sống mãi ở nơi con, “cái biết” ở nơi con, chính nó là tri thức (19), không thuộc về đời sống phù du này; đó là con người, có từ quá khứ, hiện đang tồn tại và sẽ

tồn tại mãi mãi, đối với con người đó, giờ cuối cùng sẽ không khi nào điếm.

(18) “Những phàm nhân” hay xác thân được gọi là “những cái bóng” mau phai mờ, tan biến.

(19) Trí (Manas) nguyên lý để suy tưởng trong Chân Ngã con người, để chỉ riêng cho chính “Tri Thức”, vì Chân Ngã con người được gọi là Manasa-putras, con của Trí Đại Đồng.

139. Nếu con muốn đạt được bình an, yên nghỉ êm đềm, thì hãy để tử, con phải gieo hạt giống có phẩm chất trên cánh đồng sẽ gặt mùa tới. Phải chấp nhận những nỗi đau khổ của kiếp luân hồi.

140. Hãy lui vào bóng tối để có chỗ cho kẻ khác hưởng ánh sáng mặt trời. Những dòng nước mát tưới lên miếng đất khô khan của đau đớn và thống

khô, sẽ trở hoa, trái, theo luật thù đáp của Nhân Quả. Từ lò lửa đầy khói đen của đời người, những ngọn lửa tinh khiết, bay lên càng ngày càng cao dưới tầm mắt Nhân Quả, để cuối cùng dẹt nên canh chỉ rực rỡ của ba thứ Đạo Phục (20).

141. Ba thứ Đạo Phục đó là: Nirmânakâya, Sambhogakâya và Dharmakâya, thứ y phục siêu phàm (21).

(20),(21) Xem chú giải 34, phần III.

142. Quả thật là áo Shangna (22) có thể mua được ánh sáng vĩnh cửu. Chỉ có áo Shangna đem lại cho con người cảnh Niết Bàn tịch diệt; nó chấm dứt sinh tử, nhưng hồi Đệ tử, nó cũng giết chết lòng từ bi. Có thể nào những Đức Phật trọn lành, một khi đã choàng vào mình Pháp

Thân (Dharmakâya) vinh quang, thì không còn giúp vào sự cứu vớt nhân loại được nữa. Hỡi ôi! những cá nhân sẽ bị hy sinh cho một cá nhân; nhân loại sẽ bị hy sinh cho những Đơn Vị sao?

22) Áo Shangna của Shangnavesu ở xứ Rajagriha, vị Đại La Hán hay “Tổ” thứ ba trong 33 vị La Hán nối nhau truyền bá Phật Pháp. Áo Shangna có nghĩa ẩn dụ cho sự hoạch đắc minh triết, từ đó nhập Niết Bàn tịch diệt (hủy diệt bản ngã). Theo tự nghĩa là “áo điểm đạo” của vị Tân Đệ Tử (Neophytes). Edkins nói: “Đây là thứ áo bằng cỏ từ Tây Tạng du nhập Trung Hoa dưới triều nhà Tống”. Truyền kỳ Trung Hoa và Tây Tạng cho rằng: “Khi có một vị La Hán ra đời, người ta thấy cỏ này mọc nơi tinh khiết”.

143. Hỡi đệ tử sơ cơ, con hãy biết rằng đó là Con Đường mở rộng, con đường

đưa đến hạnh phúc ích kỷ; con đường này bị những Bậc Bồ Tát theo “Tâm Pháp”, những Đức Phật Từ Bi xa lánh.

144. Sống để làm lợi ích cho nhân loại là bước thứ nhất; thực hành sáu hạnh cao quý (23) là bước thứ nhì.

(23) Thực hành “Con Đường Paramita” có nghĩa là trở thành nhà Yogi tu khổ hạnh.

145. Mặc áo khiêm nhường Nirmânakâya là khước từ hạnh phúc đời đời cho riêng mình, để giúp vào sự cứu trợ nhân loại. Đạt được chân phúc Niết Bàn nhưng không hưởng, là bước cao quý cực điểm, bước cuối cùng trên Con Đường Từ Bỏ.

146. Con hãy biết, hỡi Đệ Tử, đó là Con Đường Bí mật mà các Đức Phật Trọn

Lành đã chọn lựa, các Ngài hy sinh mình cho chúng sinh yếu kém hơn.

147. Tuy nhiên, nếu “Tâm Pháp” quá cao đối với con, nếu con cần trợ giúp con mà sợ không dám trợ giúp kẻ khác thì, hãy sợ hãi nhất, ta cảnh cáo cho con biết: con nên an phận theo “Nhân Pháp” thì hơn. Hãy cứ hy vọng. Vì nếu hiện nay con chưa thể theo đuổi “Con Đường Bí Mật” thì “ngày mai” (24) nó sẽ vừa với sức con. Nên biết rằng không một cố gắng nào – dù nhỏ nhất, dù theo hướng đúng hay sai – cũng không thể biến mất trong thế giới của nguyên nhân. Dù cho làn khói vô ích, cũng không thể không còn dấu vết. “Một lời nói phũ phàng thốt ra trong những kiếp trước, cũng không tiêu mất, mà vẫn luôn luôn trở lại” (Giáo huấn của trường Prasanga). Dây tiêu không thể trở sanh

**bông hồng, hoa lài trắng tinh khả ái
không thể biến thành gai góc.**

(24) “Ngày Mai” nghĩa là kiếp tới.

148. Ngày nay con có thể tạo những cơ hội may mắn cho ngày mai của con. Trong cuộc “Đại Hành Trình” (25), những nguyên nhân gieo ra mỗi giờ đều sẽ gây ra kết quả tương ứng, vì Định Luật chí công thống trị Thế Gian. Với sức đẩy tới mãnh liệt không khi nào sai lệch, luật công bình đem lại cho con người hạnh phúc hay đau khổ, do nghiệp quả của tất cả tư tưởng và hành vi của chúng ta từ quá khứ.

(25) “Đại Hành Trình” hay là toàn thể chu kỳ những kiếp luân hồi trong một “cuộc tuần hoàn”.

149. Con hãy chấp nhận tất cả những gì mà con xứng đáng nhận lãnh dành cho con, hỡi người có tấm lòng kiên nhẫn. Hãy vui vẻ, bằng lòng với số phận. Đó là Nghiệp Quả của con, Nghiệp Quả của các kiếp luân hồi của con, mà cũng là số phận của những kẻ, trong cảnh đau buồn, sanh ra đồng thời với con, họ đã vui vẻ và than khóc từ kiếp này sang kiếp khác, ràng buộc do các hành động trước kia của con.

150. Bây giờ con hãy làm cho họ, rồi ngày mai họ sẽ làm cho con.

151. Chính mầm Từ Bỏ Bản Ngã sẽ trở thành trái ngọt của sự Giải Thoát cuối cùng.

152. Người nào vì sợ Ma Vương hủy diệt, mà không dám giúp người, hãy để họ hành động theo bản ngã. Người hành hương muốn làm mát chân tay

một mối trong dòng nước chảy, mà sợ nước cuốn đi, có thể chịu nóng không nổi mà chết. Không hành động vì lo sợ ích kỷ, chỉ mang quả xấu mà thôi.

153. Người sùng đạo ích kỷ sống không mục đích. Người không làm tròn phận sự ở đời cũng sống vô ích.

154. Con hãy theo bánh xe đời, hãy theo bánh xe nghĩa vụ đối với nòi giống, họ hàng, bạn hữu và kẻ thù, và đừng nghĩ đến những vui thú cũng như những khổ đau. Con hãy làm khô cạn sự báo đáp của Nhân Quả. Hãy đạt những Siddhis cho kiếp tới của con.

155. Nếu con không thể làm Mặt Trời thì hãy khiêm tốn làm hành tinh nhỏ. Thực thế, nếu con bị ngăn trở không thể dọi tia sáng như Mặt Trời giữa trưa trên đỉnh núi tuyết tinh khiết trường

tôn, thì hỡi Đệ Tử Sơ Cơ, con hãy chọn một nghĩa vụ khiêm tốn hơn.

156. Hãy chỉ “Con Đường” – dù lò mờ, và lần khuất trong đám quần chúng – như sao hôm chỉ đường cho những kẻ đi trong đêm tối.

157. Hãy xem, “Con Mắt của Migmar” (Hỏa Tinh) xuyên qua lớp màn màu đỏ thẫm, lướt nhìn địa cầu đang yên giấc. Hãy xem “Bàn Tay” sáng rực của Lhagpa (Thủy Tinh) mở rộng trong tình thương yêu che chở trên đầu các nhà tu khổ hạnh. Hiện nay, cả hai là bộ hạ của Nyima (Mặt Trời) (26), canh chừng lặng lẽ trong đêm tối lúc vắng chủ. Tuy nhiên, trong những Thiên Kiếp (Kalpas) trước, cả hai đều sáng chói như Mặt Trời, và trong “Tương Lai” sẽ có thể trở thành hai ngôi Mặt Trời trở lại. Đó

là cuộc thăng trầm của Luật Nhân Quả trong thiên nhiên.

(26) Nyima là Mặt Trời theo chiêm tinh học Tây Tạng. “Con Mắt” là biểu tượng của Migmar hay Mars, “Bàn Tay” là biểu tượng của Lhagpa hay Mercury.

158. Hỡi Đệ Tử, hãy theo gương hai ngôi hành tinh đó. Hãy soi sáng và an ủi người hành hương mệt mỏi; hãy tìm kẻ ít kiến thức hơn con, kẻ cô đơn khốn khổ, đang đói bánh Minh Triết và cả bánh để nuôi cái hình bóng, không có Thầy, không một tia hy vọng, không một lời an ủi - con hãy nói Pháp cho họ nghe.

159. Hãy nói với họ, hỡi thí sinh, người nào có tính kiêu căng và ích kỷ sẽ làm nô lệ cho lòng sùng đạo; người nào tuy

còn lưu luyện cuộc đời, nhưng vẫn nhẫn nại và phục tùng Luật, như một đóa hoa dịu dàng dưới chân Đức Thích Ca Mâu Ni (Đức Phật), người đó sẽ trở nên một Tu Đà Hoàn (27) trong kiếp hiện tại. Quyền năng của sự hoàn thiện có thể thấy lơ mờ đàng xa, thật xa, nhưng người ấy đã bước được bước đầu, nhập lưu, và có thể đạt được thị giác của con phượng hoàng trên đỉnh núi, thánh giác của con hươu cái rụt rè.

(27) Srôtâpatti hay là “người vào trong dòng sông” đưa đến Niết Bàn, ngoại trừ vài lý do đặc biệt, người Tu Đà Hoàn ít khi đạt đến Niết Bàn trong một kiếp. Thường thường, một vị đệ tử phải cố gắng từ kiếp được nhập lưu cho đến kiếp thứ bảy mới tới được mục đích.

160. Con hãy nói với họ, hỡi kẻ chí nguyện, lòng sùng đạo chân thành có

thể hoàn lại cho họ những tri thức mà họ đã có trong những kiếp trước. Thần nhãn, thần nhĩ không thể nào đạt được trong một kiếp ngắn ngủi.

161. Hãy khiêm tốn, nếu con muốn đạt được Minh Triết.

162. Hãy khiêm tốn hơn nữa, nếu con đã thấm nhuần Minh Triết.

163. Hãy giống như biển cả thu nhận tất cả những dòng sông, suối. Đại dương mênh mông luôn luôn yên tĩnh, không thay đổi; không biết là có nước sông, suối thêm vào nó.

164. Hãy để Bản Thể Cao Siêu của con kiểm chế phàm ngã.

165. Hãy để Cái Hằng Hữu kiểm chế Bản Thể Cao Siêu của con.

166. Phải đầy, cao cả thay kẻ nào giết chết dục vọng.

167. Còn cao cả hơn nữa, kẻ nào mà

Chân Ngã Cao Siêu bên trong đã giết chết sự biết có dục vọng.

168. Hãy đề phòng Phàm Ngã, đừng để nó làm như bản Chân Ngã.

169. Con đường đưa đến tự do cuối cùng ở bên trong Chân Ngã của con.

170. Con đường này bắt đầu và chấm dứt ở ngoài Phàm Ngã (28).

(28) Nghĩa là bản ngã thấp kém.

171. Trong tâm nhìn kiêu hãnh của người Tirthikas, mẹ của tất cả các dòng sông không được con người ca ngợi; trong mắt những người thiếu hiểu biết thì hình thể con người vốn trống rỗng, mặc dù chứa đầy nước cam lồ ngọt dịu (Amrita). Tuy nhiên, nguồn gốc của các sông thánh vốn ở nơi thánh địa (29), và kẻ có đức Minh Triết được mọi người

quý trọng.

(29) Tirthikas là một phái của Bà La Môn ở bên kia Hy Mã Lạp Sơn, tín đồ Phật giáo ở thánh địa Tây Tạng gọi họ là ngoại đạo và họ cũng gọi bên kia lại như thế.

172. Bạc La Hán và Hiền Triết quán thông mọi sự (30) vốn hiếm có như hoa của cây Udumbara. Những vị La Hán được sinh ra lúc nửa đêm, đồng thời với cây hoa thiêng có chín và bảy cuống (31) trở bông thiêng trong đêm tối, dưới giọt sương tinh khiết trong lòng giá lạnh trên đỉnh núi cao phủ đầy tuyết, nơi mà bàn chân của những kẻ tội lỗi không thể bước đến được.

(30) Thị giác không giới hạn hay tâm nhìn tâm linh, siêu nhiên. Vị La Hán thấy và biết được tất cả, ở gần cũng như ở xa.

(31) *Cây Shangna, xem chú giải 22, phần II.*

173. Hỡi Đệ Tử, không một vị La Hán nào chứng được quả này trong kiếp mà Linh Hồn mới lần thứ nhất bắt đầu có nguyện vọng giải thoát cuối cùng. Tuy nhiên, con chớ lo lắng, không một chiến sĩ nào tự nguyện chiến đấu trong trận tranh phong giữa người sống và người chết (32), và không một tên quân mới mộ nào bị từ chối quyền được vào trong Con Đường đưa đến Chiến Địa.

(32) *“Người sống” là Chân Ngã bất tử, và “người chết” là phàm ngã thấp kém.*

174. Bởi vì chiến sĩ phải chiến thắng hay phải ngã.

175. Nếu chiến thắng, Niết Bàn sẽ thuộc về người. Trước khi người cởi bỏ cái

hình bóng, cái phần hữu tử của người, nguyên nhân sinh ra những ưu tư và đau khổ vô tận, người sẽ được chúng sinh tôn kính như một vị Phật.

176. Nếu bị ngã, người cũng không bị ngã một cách vô ích; những kẻ thù mà người đã giết chết trong trận giặc sau cùng sẽ không sống lại trong kiếp tới.

177. Nhưng nếu con muốn đạt Niết Bàn hay bỏ đi không hưởng ⁽³³⁾, động lực của con không phải vì kết quả của hành động hay không hành động, hỡi người có tâm lòng dũng đảm.

(33) Xem chú giải 34, phần III.

178. Nên biết, hỡi đệ tử, Bồ Tát từ bỏ sự Giải Thoát để mang những nỗi thống khổ của “Đời Sống Bí Mật” ⁽³⁴⁾, được xưng tụng là “Bậc Thượng Tôn”, phải

chịu sự đau khổ từ chu kỳ này sang chu kỳ khác.

(34) Đời sống bí mật là đời sống của vị Nirmānakaya.

179. Con Đường vốn có một, hồi đệ tử, nhưng đến cuối cùng chia làm hai. Có bốn và bảy Cửa (xem câu 198) đánh dấu các đoạn đường. Ở một đầu là hạnh phúc hưởng liền, ở đầu kia là hạnh phúc hoãn lại. Cả hai đều là sự ban thưởng công lao. Sự lựa chọn tùy thuộc nơi con.

180. Một con đường thành hai: con đường Công Khai và con đường Bí Mật (35). Con đường thứ nhất đưa đến mục đích, đường thứ hai đưa đến sự Tự Hy Sinh.

(35) Con Đường Công Khai dạy cho người thế tục, hay “công truyền” và thường được nhiều người theo. Bản chất của Con Đường Bí Mật được giải thích khi điếm đạo.

181. Khi đã hy sinh cái Giả Tạm cho cái Thường Tôn thì phần thưởng thuộc về con: giọt nước trở về nguồn cội. Con Đường Công Khai đưa đến sự không thay đổi - Niết Bàn - trạng thái vinh quang tuyệt đối, chân phúc quá sức tưởng tượng của con người.

182. Như thế thì Con Đường thứ nhất là sự Giải Thoát.

183. Nhưng Con Đường thứ nhì là Sự Từ Bỏ, do đó cũng được gọi là “Con Đường Thống Khổ”.

184. Con Đường Bí Mật đưa vị La Hán đến sự khổ trí không thể tả; khổ cho Người Chết mà đang sống ⁽³⁶⁾ và thương

xót mà không giúp đỡ được những người phải trả nghiệp đau khổ, kết quả của luật Nhân Quả mà bậc hiền giả không dám can thiệp.

(36) Người ta gọi kẻ không biết sự Minh Triết và những chân lý bí truyền là “người chết mà đang sống”.

185. Vì kinh sách có nói: “Hãy dạy người đừng tạo Nhân, còn Quả giống như ngọn thủy triều đang lớn, phải để nó đi xuôi chiều của nó”.

186. Con vừa đạt đến mục đích của “Con Đường Công Khai”, sẽ đến lúc con cởi bỏ thân Bồ Tát và nhập vào trạng thái vinh quang cực điểm của Dharmakâya ⁽³⁷⁾ tức là quên mất Thế Gian và loài người.

(37) Xem chú giải 34, phần III.

187. “Con Đường Bí Mật” cũng dắt đến chân phúc của Đại Niết Bàn, sau khi đã trải qua vô số Thiên Kiếp (Kalpas); sau bao lần được cảnh Niết Bàn mà không hưởng vì lòng từ bi vô lượng đối với chúng sinh khờ dại.

188. Nhưng: “kẻ hưởng sau sẽ có quả vị to nhất”. Samyak Sambuddha, Đức Thầy Trọn Lành, đã bỏ Chân Ngã để cứu vớt chúng sinh, Ngài dừng bước ở ngưỡng cửa Niết Bàn, trạng thái tinh khiết.

189. Bây giờ con đã biết rõ về hai Con Đường. Đến lúc con phải chọn, hỡi người có tâm hồn nhiệt thành, khi con đã đi đến cuối Con Đường và qua khỏi bảy Cửa. Trí con sáng suốt, không còn bị bối rối trong những tư

tưởng sai lầm, vì con đã biết tất cả. Chân Lý lộ nguyên hình và nghiêm nghị ngó ngay mặt con, và nói:

190. “Vì bản ngã, ngọt ngào thay khi đạt được những quả của sự An Nghỉ và Giải Thoát; nhưng càng ngọt ngào hơn nữa khi đạt được những quả của nghĩa vụ lâu dài và cay đắng. Đó là sự Từ Bỏ vì lợi ích của người khác, những người anh em đang buồn khổ.”

191. Vị Độc Giác Phật ⁽³⁸⁾ phục tùng bản ngã. Vị Bồ Tát đã chiến thắng, đã nắm phần thưởng trong tay nhưng vì lòng từ bi siêu phàm Ngài nói:

(38) Pratyeka-Buddhas là các vị Bồ Tát đã cố gắng nhiều kiếp và đạt được Dharmakâya. Các Ngài không chú ý đến nỗi đau khổ của nhân loại và không giúp đỡ họ, mà chỉ lo phúc lạc của riêng mình; các Ngài nhập Niết Bàn, biến mất khỏi ngoài tầm mắt và trái tim

nhân loại. Phật giáo phương Bắc coi vị “Độc Giác Phật” đồng nghĩa với sự Ích Kỳ tinh thần.

**192. “Vì lợi ích của người khác, tôi xin nhường phần thưởng to lớn này lại”.
Ngài làm tròn đại nguyện Từ Bỏ.**

193. Ngài là một Đấng Cứu Thế.

.

194. Hãy xem! Mục đích của chân phúc và Con Đường Đau Khổ dài đằng đẵng ở đầu tận cùng xa xăm kia. Trong hai con đường, con có thể chọn một, hỏi người chí nguyện gánh chịu sự đau khổ, xuyên qua những chu kỳ sẽ tới! . . .

195. OM VAJRAPANI HUM.

PHẦN III

BẢY TẦNG CỦA ĐẠO

196. “**Bạch Sư Phụ (Upâdya) (1), con đã chọn, con khao khát Minh Triết. Bây giờ Sư Phụ đã xé tan bức màn che trước con Đường Bí Mật và dạy Pháp đại thừa Yâna (2). Con nguyện một lòng vâng theo lời Sư Phụ chỉ dạy**”.

(1) Upâdya là vị thầy tinh thân, là Đạo Sư (Guru).

(2) Yâna là cỗ xe, như thế Mahayâna là “Cỗ Xe Lớn”, và Hinayâna là “Cỗ Xe Nhỏ”, tên của hai môn phái tôn giáo và triết học của Phật Giáo Phương Bắc.

197. Được lắm, Thịnh Văn (3), con hãy chuẩn bị, vì con phải khởi hành một mình. Thầy chỉ có thể chỉ đường cho con mà thôi. Đối với mọi người, Con Đường có một, nhưng những phương tiện để đạt mục đích phải thay đổi tùy mỗi Kẻ Hành Hương.

(3) Thịnh Văn (Srāvaka), người nghe, hay sinh viên theo học giáo huấn tôn giáo.

198. Con sẽ chọn Con Đường nào, hỡi người có lòng dũng cảm? Thiên Định (Samtan) (4) của “Nhãn Pháp” có bốn tầng lớp, là con đường đưa đến Ba La Mật Đa (Pâramitâs) (5) có sáu cửa đức hạnh cao quý dẫn đến Bồ Đề và đến Trí Huệ Bát Nhã (Prajna), tầng thứ bảy của Minh Triết?

(4) *Samtan* là tiếng Tây Tạng, đồng nghĩa với tiếng Sanskrit: *Dhyâna*, hay là trạng thái thiền định có bốn bậc.

(5) *Paramitas*: sáu đức hạnh siêu việt; đối với các vị tu sĩ thì có mười hạnh.

199. Con Đường gay go của bốn bậc Thiền Định quanh co khúc khuỷu và dốc đứng. Người leo lên đến đỉnh cao chót của con đường này quả thật vĩ đại.

200. Muốn đến các đỉnh cao Ba La Mật Đa, con phải trải qua một con đường dốc đứng hơn nữa. Con phải mở một con đường xuyên qua bảy cửa, được canh giữ chặt chẽ bởi những năng lực xấu ác, quỷ quyệt, hiện thân của dục vọng.

201. Hãy can đảm lên, hỡi đệ tử, hãy nhớ lấy luật vàng. Một khi con đã vượt qua cửa Srôtâpatti (6) “nhập lưu - người đã bước vào dòng sông”; một khi chân

con đã đặt lên dòng sông dắt đến Niết Bàn trong kiếp này hay trong một kiếp tương lai, con sẽ còn tái sinh bảy kiếp nữa thôi, hỡi người có Ý Chí cứng rắn như kim cương.

(6) Srôtâpatti (Tu Đà Hoàn) theo văn tự có nghĩa: “kẻ đã vào trong dòng sông” dẫn đến biển Niết Bàn. Đó là tên chỉ Con Đường thứ nhất. Con Đường thứ nhì tên là Sakridagamin (Tu Đà Hàm) “người chỉ còn luân hồi một kiếp nữa thôi”. Con Đường thứ ba gọi là Anagâmin (A Na Hàm) “người không còn phải luân hồi nữa” trừ phi người muốn luân hồi để giúp đời. Con Đường thứ tư là con đường của vị Arhat (hay Rahat, La Hán). Đó là con đường cao nhất. Vị La Hán thấy Niết Bàn trong kiếp hiện tại. Vì trong khi nhập định Tam Muội (Samadhi), Ngài có được kinh nghiệm phúc lạc cõi Niết Bàn, không cần phải đợi sau khi chết.

202. Con hãy xem trước mắt con có những gì, hồi kẻ có chí nguyện đạt đến Minh Triết của bậc thần tiên?

203. “Màn hắc ám, bao trùm vật chất; con đang vùng vẫy trong những lần xếp của bức màn đó. Bạch Sư Phụ! mắt con nhìn thấy hắc ám càng sâu càng dày; bàn tay của Sư Phụ xua tan hắc ám. Một cái bóng cử động, bò đi giống hình uốn khúc của một con rắn vươn dài. . . . Nó lớn thêm, phồng to và biến mất trong bóng tối”.

204. Đó chính là cái bóng của con ở bên ngoài Đường Đạo, dọi lên tội lỗi đen tối của con đó!

205. “ Bạch Sư Phụ, con nhìn thấy Con Đường, chân nó ở trong bùn, đỉnh nó chìm trong ánh sáng vinh quang của Niết Bàn. Và bây giờ con thấy những Cửa hẹp trên con đường gập ghềnh,

chông gai đưa đến Jnana” (Sự Hiểu Biết, Minh Triết).

206. Con thấy đúng đó, hồi đệ tử. Những cửa này dắt kẻ chí nguyện vượt qua dòng nước “đến bờ bên kia” (7) . Muốn mở mỗi cửa phải có một chìa khóa vàng, những chìa khóa đó là :

(7) Đối với tín đồ Phật Giáo Phương Bắc “đến bờ bên kia” có nghĩa là đạt được Niết Bàn bằng cách thực hành sáu và mười hạnh Paramitas.

207. 1. Dâna, chìa khóa bố thí và từ bi vô tận.

208. 2. Shila, chìa khóa điều hòa trong lời nói và việc làm, chìa khóa làm cho thẳng bằng Nhân và Quả, không còn chỗ để nhân quả tác động nữa.

209. 3. **Kshanti**, đức nhẫn nhục dịu dàng, không gì làm dao động được.
210. 4. **Viraga**, thản nhiên đối với sự vui và sự khổ, vượt khỏi ảo ảnh, nhận thức được chân lý.
211. 5. **Virya**, năng lực dũng mãnh mở đường thẳng đến Chân Lý siêu việt, ngoài vòng bùn lầy của những giả dối trần gian.
212. 6. **Dhyâna**, cửa vàng này một khi đã được mở ra sẽ dẫn vị Narjol (Vị Thánh, Chân Tiên) đến cõi Sat trường tồn, và đắm chìm trong nhập định liên tục nơi cõi đó.
213. 7. **Prajna**, chìa khóa làm cho một người thành bậc thần tiên, tạo ra một vị Bồ Tát, con của các vị Thiền Định Chân Quân (Dhyânis).
214. Đó là những chìa khóa vàng mở các Cửa.

215. Trước khi đến gần cửa cuối cùng, hồi kẻ tạo cho mình sự tự do, con phải tinh thông những Ba La Mật Đa (Paramitas) hoàn thiện này – có sáu và mười đức hạnh siêu việt dài theo Con Đường khổ nhọc.

216. Hồi đệ tử, trước khi con xứng đáng gặp được Sư Phụ, mặt tận mặt, ánh sáng đối ánh sáng, người đã nói gì với con?

217. Trước khi có thể đến gần cửa đầu tiên, con phải tập tách riêng thân con ra khỏi trí con, phá tan bóng tối và sống trong trường tồn. Muốn được thế con phải sống và thở trong tất cả, cũng như tất cả những gì con nhận thấy đều thở trong con; con phải cảm nhận con ở trong vạn vật, và vạn vật trong Đại Ngã.

218. Con đừng để cho các giác quan làm một sân chơi đùa trong trí con.

219. Con không được tách cá thể con ra khỏi BẢN THỂ và vạn vật; hãy sát nhập Đại Dương vào trong giọt nước, giọt nước vào trong Đại Dương.

220. Như thế, con sẽ hoàn toàn hòa hợp với mọi sinh vật; con hãy thương yêu người khác, coi như họ là sư huynh, sư đệ của con, đệ tử của cùng một Sư Phụ, con của cùng một mẹ hiền.

221. Có nhiều vị thầy, trong đó LINH HỒN CHỦ là một (8), đó là Alaya, Linh Hồn Vũ Trụ. Hãy sống trong Đức Sư Phụ đó, cũng như tia sáng của Ngài ở trong con. Hãy sống trong đồng loại của con, cũng như họ sống trong Ngài.

(8) “LINH HỒN CHỦ” (MASTER-SOUL) là Alaya, Linh Hồn Vũ Trụ hay Atman, mỗi

người đều có nơi mình một tia của Ngài và có thể đồng hóa, sát nhập mình vào Ngài.

222. Trước khi đứng trên ngưỡng cửa đưa vào Đường Đạo; trước khi vượt qua Cửa thứ nhất, con phải sát nhập hai vào trong Một, hy sinh tư ngã cho Đại Ngã vô cá tính, và do đó phá bỏ “con đường” ở giữa hai bên – Antahkarana (9).

(9) Antahkarana là Hạ Trí, “Con Đường” liên lạc hay đồng cảm giữa phàm nhân và Thượng Trí hay Linh Hồn con người. Khi chết, như đặc tính của một Con Đường hay trung gian liên lạc, nó bị tiêu hủy, nhưng nó vẫn còn sống trong hình thức Kamarupa – “cái vỏ”.

223. Con phải chuẩn bị để trả lời với Thiên Trách (Dharma), luật nghiêm

khắc, tiếng của nó sẽ thốt lên để hỏi con ở đầu đường, ở bước thứ nhất :

224. “Người đã làm đúng các qui luật chưa? Hỏi người có ước vọng cao cả?”.

225. “Người có làm cho tâm và trí của người hòa nhịp với tâm và trí của tất cả nhân loại chăng? Bởi vì, như tiếng gầm thét của con Sông Thánh vang dội lại tất cả những âm thanh của Vạn Vật (10), tâm của “kẻ muốn nhập lưu” phải rung động đáp lại mọi tiếng thở than, mọi tư tưởng của tất cả sinh vật có sống và thở.”

(10) Phật giáo đồ phương Bắc và thực ra tất cả người Trung Hoa đều cho là tiếng gầm thét của một vài sông thánh biểu lộ chủ âm của Thiên Nhiên. Vì đó mới có sự so sánh trên đây. Một điều được công nhận trong vật lý học cũng như trong huyền bí học, đó là âm thanh tổng hợp của Thiên Nhiên - như người

ta nghe được, trong tiếng chảy âm âm của các con sông lớn, trong tiếng gió thổi đu đưa các ngọn cây trong rừng sâu, hoặc tiếng ồn của một đô thị ở xa - hợp thành một thanh âm duy nhất và có một âm điệu riêng. Điều này được các nhà vật lý học và các nhạc sĩ chứng minh. Như giáo sư Rice (âm nhạc Trung Hoa) cho biết, người Trung Hoa đã nhìn nhận điều này cả ngàn năm trước khi họ nói “nước của Hoàng Hà chảy nghe có giọng Kung” gọi là “đại cung” trong âm nhạc Trung Hoa; và ông cho biết thêm, cung này tương xứng với cung Fa, “được các nhà Vật Lý Học hiện đại xem như là chủ âm thực tế của Thiên Nhiên”. Giáo sư B. Silliman cũng có nói trong quyển “Nguyên Tắc Vật Lý” của ông: “cung này là Fa trung bình của dương cầm mà người ta có thể xem là chủ âm của Thiên Nhiên”.

226. Người ta có thể ví các đệ tử như những sợi dây của cây đàn Vina, phát ra những tiếng dội từ linh hồn; nhân

loại như bàn phím đàn và bàn tay lướt nhẹ trên đó như hơi thở điều hòa của Đại Hồn Thế Giới. Sợi dây nào không thể đáp lại ngón tay của Sư Phụ, không thể rung động điều hòa với tất cả những dây khác sẽ đứt, và bị tháo bỏ. Tâm trí tập thể của các Đệ Tử Thịnh Văn cũng thế, tất cả phải hòa hợp với tâm trí của Sư Phụ, hợp làm một với Linh Hồn Siêu Việt, hay phải bị loại bỏ.

227. Đó là trường hợp của những “Đạo Hữu trong Bóng Tối”, những kẻ tự giết chết Linh Hồn, phái Dad-Dugpa (11) đáng sợ.

11) Phái Bhons hay Dugpas: phái “Mũ Đỏ” được xem như là rất giỏi về tà thuật. Họ ở miền Tây Tây Tạng, Tiểu Tây Tạng và Bhutan. Họ đều thuộc Vạn Pháp Kỳ Môn (Tantrikas). Một điều rất buồn cười là những nhà Đông Phương Học đã có viếng miền biên

giới xứ Tây Tạng, như Schlagintweit và nhiều người khác đã làm lộn những nghi lễ và những cách hành đạo góm ghiếc của những người thuộc phái này, với tín ngưỡng của các vị Lạt Ma Đông Phương, các tu sĩ “Mũ Vàng” và các Vị Thánh Thiện (Naljors) của họ. Xem thêm giải thích (12).

228. Con đã hòa hợp bản thân con với sự đau khổ vô hạn của Nhân Loại chưa? Hỡi thí sinh muốn đạt được ánh sáng?

229. Nếu con đã làm rồi?. Con có thể vào. Tuy nhiên, trước khi đặt chân trên Con Đường buồn tẻ, đau khổ, con cũng nên biết trước những chạm bẫy nguy hiểm trên con đường đó.

.
230. Được trang bị với chìa khóa từ thiện của tình thương và lòng khoan dung, dịu dàng, con an toàn trước cửa

Dâna (xem câu 207), cửa dựng lên trước lối vào Đường Đạo.

231. Hỡi kẻ hành hương hạnh phúc! Cái cửa trước mặt con cao và rộng, dường như rất dễ đi vào. Con đường đi ngang qua đó ngay thẳng, sông sẻ và xanh tươi. Nó giống như một khoảng rừng thưa có ánh nắng, giữa cánh rừng già tối tăm, một điểm trên mặt đất phản chiếu cảnh cực lạc của Phật A Di Đà. Nơi đây, những chim quỳên của hy vọng, những con chim cánh lông rục rờ, hót trong những chòm cây xanh tươi, tán tụng sự thành công của những người hành hương dũng cảm. Chúng hát mừng năm đức hạnh của các vị Bồ Tát, năm nguồn gốc của năng lực Bồ Đề và bảy bước trong đường Trí Thức.

232. Con hãy đi qua! Vì con đã có chìa khóa; con được an toàn.

233. Và từ đây đến cửa thứ nhì, con đường cũng còn xanh tươi nhưng dốc đứng và khúc khuỷu; thực thế, con đường đến đỉnh núi đầy đá nhấp nhô. Những đám sương mù xám ngắt lơ lửng trên triền gò ghề, xa hơn nữa, tất cả đều đen tối. Khi càng đi tới, hành giả nghe tiếng hát hy vọng càng yếu dần trong tâm. Bấy giờ sự hoài nghi làm cho hành giả rùng mình, chân bước không được vững vàng như trước.

234. Hãy đề phòng, hỡi thí sinh! Hãy đề phòng sự sợ hãi lan truyền, nó giống như con dơi bay lúc nửa đêm, giương đôi cánh đen, im lìm chắn ngang giữa ánh trăng trong cửa Linh Hồn con và mục tiêu vĩ đại xuất hiện lơ mờ ở tận nơi xa.

235. Hỡi đệ tử, sự sợ hãi làm tiêu tan ý chí và ngưng trệ mọi hành động. Nếu

thiếu hạnh Shila (xem câu 208), con sẽ vấp ngã, và những đá sỏi Nhân Quả dọc theo con đường gồ ghề sẽ làm trầy trụa chân con.

236. Hãy bước cho vững, hỡi thí sinh. Hãy tắm Hồn con trong tinh chất của Kshanti (xem câu 209), vì bây giờ con đã đến gần cửa có tên này, cửa dũng cảm và nhẫn nại.

237. Đừng bao giờ nhắm mắt, phải trông chừng cây gậy phép Dorje (12) những mũi tên của Ma Vương luôn luôn bắn ngã kẻ không đạt được Virâga (13).

(12) Dorje, tiếng Sanskrit là Vajra là một bửu pháp trong tay của một số thần minh (các vị Thiên Thân (Devas) che chở loài người, như Dragshed của Tây Tạng); các vị này có năng lực đẩy lui những ảnh hưởng xấu bằng cách làm trong sạch không khí, cũng như chất Ozone trong hóa học. Đó cũng là một Mudra,

một tư thế (cách ngồi) để tham thiền. Tóm lại, có thể là một tư thế hay một linh phù, là một biểu tượng của pháp lực đối với ảnh hưởng xấu vô hình. Tuy nhiên các Bhons hay Dugpas chiếm hữu biểu tượng đó và đem dùng trong mục đích Tà Thuật. Đối với phái “Mũ Vàng” hay là Gelugpas, thì đó là một biểu tượng của quyền năng, cũng như Thánh Giá đối với tín đồ Cơ Đốc Giáo, và không có gì là “mê tín” cả. Đối với phái Dugpas, nó giống như hình tam giác đôi lật ngược, dấu hiệu của tà thuật.

(13) Virâga là tính lãnh đạm tuyệt đối, đối với vũ trụ khách quan, đối với thú vui và sự đau khổ. Tiếng “chán ghét” không đúng nghĩa, nhưng cũng gần như thế.

238. Chớ run rẩy, dưới hơi thở của sự sợ hãi, chìa khóa Kshanti sẽ rỉ sét; chìa khóa rỉ sét sẽ mở không được cửa.

239. Con càng đi tới, chân con sẽ càng gặp những chạm bẫy nguy hiểm. Con đường đi tới, được soi sáng bởi một ngọn lửa, ngọn lửa dững cảm đang cháy trong tim. Người càng gan dạ sẽ càng tiến, người càng sợ thì ánh sáng càng mờ, và chỉ có ánh sáng mới có thể dẫn dắt con người đi tới. Giống như tia sáng buổi chiều còn sót lại trên đỉnh núi cao, khi tia sáng tắt dần là đêm tối tiếp theo. Cũng thế, khi ánh sáng trong tâm tắt mất thì một bóng đen dày đặc và đáng sợ từ trong chính tâm con sẽ dội trên đường đi, và sự khiếp sợ sẽ gấn dính chân con tại chỗ.

240. Hỡi đệ tử, hãy đề phòng cái bóng có hại đó. Không một tia sáng nào từ Tinh Thần có thể phá tan cảnh hắc ám của Linh Hồn ở phía dưới, trừ phi mọi tư tưởng ích kỷ đều đã bị loại bỏ. Khi

đó, người hành hương nói: “Tôi đã từ bỏ cái hình hài tạm bợ này, tôi đã tiêu diệt nguyên nhân, do đó những bóng tối không còn rọi ra nữa.” Vì bây giờ đã đến trận đại chiến cuối cùng, trận chiến đấu chót giữa cái Ta Cao Siêu và cái Ta Thấp Kém. Con hãy xem, chính bãi chiến trường bây giờ đã bị trận đại chiến nhận chìm và không còn nữa.

241. Nhưng một khi vượt qua được cửa Kshanti, bước thứ ba của con đã xong. Xác thân con là tội tớ của con. Bây giờ con hãy chuẩn bị để qua cửa thứ tư, cửa có nhiều cám dỗ gài bẫy con người bên trong.

242. Trước khi con có thể đến gần mục đích này, trước khi đưa tay mở chốt cửa thứ tư, con phải tập trung mọi sự thay đổi của cái trí ở nơi con và tiêu diệt đạo quân tư tưởng cảm giác vừa

ting tế vừa xảo quyết, âm thầm len lỏi vào trong thánh đường sáng rõ của Tâm Hồn.

243. Nếu con không muốn bị chúng sát hại, thì con phải làm ra những tạo vật vô hại, những đứa con của tư tưởng, tuy không thấy được, không sờ được, nhưng có cả đàn cả lũ quây quần chung quanh nhân loại, chúng là những con cái, những kẻ thừa kế của con người. Con phải nghiên cứu thấu đáo sự trống rỗng của cái dường như đầy đủ, sự đầy đủ của cái dường như trống rỗng. Hỡi Người Tìm Đạo can đảm! Hãy xem kỹ tận đáy lòng sâu thẳm của con và trả lời. Con có biết những năng lực của Chân Ngã chẳng, hỡi kẻ nhận thấy những cái bóng bên ngoài?

244. Nếu con không biết, con bị thất bại.

245. Bởi vì trên Con Đường thứ tư, một ngọn gió thoáng qua của sự ham muốn hoặc đam mê, cũng sẽ làm lay động ánh sáng yên tĩnh trên vách trắng tinh khiết của Linh Hồn. Một gợn sóng li ti của mong mỏi hay luyến tiếc đối với những món quà hư ảo của Ma Vương, dọc theo Antahkarana, con đường nối liền Tinh Thần của con với bản ngã của con, đại lộ của cảm giác, cái kích thích Ahamkara ⁽¹⁴⁾, một tư tưởng dầu lệ như chớp cũng sẽ làm cho con mất hết ba phần thưởng trước mà con đã được.

(14) Ahamkara, cái “Tôi” hay là sự cảm biết về phàm ngã, cái bản ngã.

246. Vì con hãy biết, Đấng Vĩnh Cửu không biết sự thay đổi là gì?

247. “Con hãy bỏ hết tám thứ khổ nàh, bằng không con không thể nào đạt đến minh triết, cũng không thể nào đạt đến giải thoát”, đó là lời của Đức Thế Tôn, Đức Như Lai trọn lành, “Đấng đã theo dấu các bậc đi trước Ngài” (15).

(15) “Kẻ đi theo bước chân của những người tiền nhiệm, hay “những người đã đến trước mình” đó là nghĩa đúng của chữ Tathâgata (Như Lai).

248. Hạnh Virâga rất nghiêm khắc và đúng mực. Nếu muốn làm chủ con đường này, con phải giữ cái trí và sự nhận thức của con tự do hơn đối với hành động giết hại.

249. Con phải thấm nhuần với Alaya tinh khiết, hợp làm một với Tư Tượng Linh Hồn Thiên Nhiên. Nếu con hợp

làm một với nó, thì không gì thắng được con; phân cách với nó, con sẽ trở thành sân chơi của Samvriti (16), là nguồn gốc của mọi ảo ảnh thế gian.

(16) Samvriti là một trong hai Chân lý thuyết minh tính chất ảo mộng và trống rỗng của mọi vật. Trong trường hợp này, nó là một chân lý tương đối. Trường phái Mahayāna giảng dạy sự khác nhau giữa hai chân lý này: Paramārthasatya và Samvritisatya (Satya nghĩa là Chân lý). Đó là sự bất đồng chính giữa phái Madhyāmikas và phái Yogacharyas, phái thứ nhất phủ nhận và phái thứ nhì xác nhận rằng mọi vật có hiện hữu đều do một nguyên nhân đã có trước tạo ra, hay do sự tiếp nối. Phái Madhyāmikas là phái chủ trương Hư Vô, Phủ Nhận, cho rằng tất cả đều là parikalpita, một ảo mộng và làm lạc trong thế giới chủ thể của tư tưởng, cũng như ở ngoài vũ trụ khách quan. Phái Yogacharya là phái duy linh; cho nên, Samvriti chỉ là

chân lý tương đối, là nguồn gốc của mọi ảo ảnh.

250. Tất cả đều vô thường nơi con người, ngoại trừ cái tinh hoa trong sạch, sáng ngời của Alaya. Con người là một tia trong suốt của nó, một tia ánh sáng tinh khiết ở bên trong, một hình thể bằng vật chất ở bên ngoài. Tia sáng đó là người hướng đạo cuộc đời con và là Chân Ngã của con, là Đấng Canh Chừng và Suy Nghĩ thâm lặng, nạn nhân của phàm ngã thấp kém của con. Linh Hồn con không thể bị tổn hại, ngoại trừ do xác thân còn nhiều lỗi lầm của con; hãy kiểm soát và điều khiển cả hai, như thế con sẽ có thể an toàn vượt qua “Cửa Thăng Bằng” sắp tới.

251. Hãy vui vẻ lên, hỡi kẻ hành hương can đảm muốn đến “bờ bên kia”, đừng

nghe những lời quyền rũ đường mật của lũ bộ hạ Ma Vương thủ thủ bên tai con, chúng là các yêu quái xấu xa, tinh linh ganh tị Lhamayin (17) trong không gian vô tận.

(17) Lhamayin là bọn tinh linh và yêu quỷ thù nghịch với loài người.

252. Hãy vững vàng! bây giờ con gần đến cửa giữa, cửa của Thống Khổ có muôn ngàn chạm bẫy.

253. Hãy làm chủ tư tưởng của con, hỡi kẻ phấn đấu để đạt sự toàn thiện, nếu con muốn vượt qua cửa đó.

254. Hãy làm chủ Linh Hồn con, hỡi kẻ đi tìm những chân lý bất tử, nếu con muốn đạt đến mục đích.

255. Linh Hồn con phải nhìn thẳng vào trung tâm Ánh Sáng Duy Nhất Tinh

Khiết, cái Ánh Sáng thoát khỏi sự thu hút, và sử dụng chiếc chìa khóa vàng của con.

256. Trách nhiệm buồn chán đã xong, công việc nhọc nhằn đã gần mãn. Con hầu như đã vượt qua khỏi cái hố rộng há miệng để nuốt con.

257. Bây giờ con đã qua khỏi hào thành bao quanh cổng của những đam mê đời người. Bây giờ con đã thắng được Ma Vương và lũ bộ hạ hung hăng của nó.

258. Con đã dọn sạch sự ô nhiễm khỏi tim con, và đã làm chảy hết máu đục vọng ô trược. Nhưng, hơi kẻ chiến đấu vinh diệu, công việc của con vẫn chưa xong. Hỡi Đệ Tử, hãy xây cao vách tường chung quanh Thánh Đảo (Chân

Ngã hay Cái Ta Suy Tư), cái đập ngăn chặn, bảo vệ trí con khỏi tính kiêu căng và tự mãn vì nghĩ rằng kỳ công đã đạt được.

259. Một ý niệm kiêu căng sẽ làm hư hại công trình. Bởi thế hãy xây đắp cho thật chắc, vì những lượn sóng dữ dội từ biển cả của Thế Giới Ma Vương ào đến đập vào bờ, cuốn mất kẻ hành hương và hòn đảo, mặc dù khi đã thắng trận rồi cũng vậy

260. Đảo của con là con nai, tư tưởng của con là những con chó săn, cứ rượt nó mãi trong khi nó tiến đến dòng sông của Sự Sống. Rất nguy cho con nai nếu bày chó bắt kịp, trước khi nó đến Thung lũng Trú Ân – có tên là Jnana Mârga “con đường của sự hiểu biết trong sạch”.

261. Trước khi con có thể ở trong Jnana Mârga (18) và gọi nó là con đường của con, Linh Hồn con phải trở nên như trái xoài chín: mềm và ngọt dịu như thịt trái xoài vàng tươi đối với những đau khổ của kẻ khác, cũng phải cứng rắn như hạt xoài đối với những nỗi đau đớn, buồn khổ của chính con, hỡi Người Chinh Phục sự Sống và sự Khổ.

(18) Jnana Mârga là “Con Đường Jnana” hay là Con Đường tri thức thuần túy của Paramârtha hay là (theo Bắc Phạn) Svasamvedana “sự tự suy xét hay tự phân tích”.

262. Phải luyện cho Linh Hồn con cứng cáp để chống lại những cạm bẫy của bản ngã, phải làm cho nó xứng danh là “Linh Hồn Kim Cương” (19).

19) Xem giải thích số 4 phần II. “Linh Hồn Kim Cương” hay Vajradhara chủ trì trên Dhyani Buddhas.

263. Bởi vì, giống như viên kim cương chôn sâu trong lòng đất, không thể nào phản chiếu được ánh sáng trần gian, Linh Hồn và trí con khi đã chìm sâu trong Jnana Mârga cũng không phản chiếu được lĩnh vực lừa phỉnh của Ảo Ảnh.

264. Khi con đạt đến trạng thái đó, thì những Cửa mà con phải vượt qua trên Con Đường sẽ mở rộng cho con qua, và những lực vĩ đại của Thiên Nhiên cũng không ngăn cản được con. Con sẽ làm chủ Con Đường bảy cấp bậc, nhưng trước lúc đó chỉ là câu nói thoáng qua, hơi thí sinh gặp nhiều thử thách.

265. Từ đây đến đó, một nhiệm vụ còn khó khăn hơn đang chờ đợi con, con

**phải cảm biết chính con là Tất Cả Tư
Tưởng, và đồng thời phải đuổi tất cả tư
tưởng ra ngoài Linh Hồn con.**

**266. Con phải đạt đến trạng thái định
trí vào một nơi mà không một luồng gió
nào, dù mạnh đến đâu, có thể đưa được
một tư tưởng phạm tục vào bên trong.
Dọn sạch như thế, thánh đường phải
thật trống rỗng không còn một hành vi,
một âm thanh, một ánh sáng trần gian
nào; cũng như con bướm gặp phải giá
lạnh, té chết nơi ngưỡng cửa, tất cả tư
tưởng phạm tục phải té chết trước
thánh đường.**

267. Kinh Bhagavatgita có viết:

**“Để cho ngọn lửa vàng có thể cháy sáng
vững chắc, cái đèn phải được đặt trong
một chỗ được bảo vệ tránh khỏi mọi
ngọn gió thổi đến.” Đèn đặt nơi có gió
thổi qua, thì tia lửa rung rinh phản**

chiếu những bóng hình sai lạc, đen tối và biến đổi mãi trên thánh đường trong trắng của Linh Hồn.

268. Và khi đó, hỡi người theo đuổi chân lý, Thần Trí của Linh Hồn con sẽ trở nên như con voi điên cuồng làm dữ trong rừng. Làm tưởng cây rừng là kẻ thù nghịch, nó phải bỏ mạng trong khi đâm đầu cố giết những bóng cây lung lay rơi lên vách đá dưới bóng mặt trời.

269. Hãy đề phòng, e rằng vì quá lo lắng cho Phạm Ngã mà Linh Hồn con bị mất đi chỗ đặt chân trên mảnh đất tri thức của Deva.

270. Hãy đề phòng, e rằng vì lãng quên Chân Ngã, Linh Hồn con sẽ mất sự kiểm soát cái trí chao động, và mất quả chính đáng của công chinh phục.

271. Hãy đề phòng sự thay đổi! vì sự thay đổi là kẻ thù lớn của con đó. Sự

thay đổi sẽ tấn công con, sẽ đẩy con ra khỏi Con Đường mà con đang bước tới, nhận chìm con xuống đầm lầy của sự hoài nghi.

272. Hãy chuẩn bị và nghe lời cảnh cáo đúng lúc. Nếu con đã cố gắng mà bị thất bại, thì hỡi chiến sĩ dũng cảm, con chớ để mất lòng can đảm, hãy tiếp tục chiến đấu mãi và nhận lãnh trách nhiệm lần nữa và lần nữa.

273. Chiến sĩ can đảm dù bị thương, máu chảy vẫn tấn công kẻ nghịch, đuổi nó ra khỏi đồn lũy và thắng nó, trước khi mình chết. Hãy hành động, hỡi các đệ tử bị thất bại và đau khổ, hãy làm giống như chiến sĩ đó; và hãy đuổi ra khỏi thành lũy của Linh Hồn mình tất cả quân thù – tham vọng, sân hận, ganh ghét, cho đến cái bóng của dục vọng – mặc dù khi con đã bị thất trận. . .

274. Hãy nhớ, hỡi kẻ đang chiến đấu để giải thoát nhân loại (20), mỗi lần thất bại là một lần thành công và mỗi sự cố gắng chân thành sẽ được phần thưởng đúng lúc. Những mầm thiêu nãy tọc, đâm chồi và lớn lên âm thầm trong hồn người đệ tử; những chồi đó được cứng cáp hơn sau mỗi lần trải qua cuộc thử thách mới, chúng uốn mình như cây sậy nhưng không gãy mà cũng không chết. Nhưng khi ngày giờ đến, chúng sẽ trở bông (21).

(20) Đây ám chỉ sự tin tưởng rằng mỗi khi có thêm một vị Phật hoặc Thánh mới chứng quả, tức có thêm một chiến sĩ trong đội quân những người làm việc để giải thoát hay cứu rỗi nhân loại. Trong những xứ Phật Giáo Phương Bắc có giảng dạy giáo lý về Nirmānakāyas – những vị Bồ Tát khước từ chân phúc Niết Bàn, hay khước từ khoác áo

Dharmakàya (vì hai cách đó làm cho các Ngài đoạn tuyệt với nhân loại) để giúp đỡ nhân loại trong chốn vô hình và cuối cùng đưa nhân loại đến Đại Niết Bàn. Mỗi vị Bồ Tát mới hoặc mỗi vị Chân Tiên cao cấp, được gọi là “đấng giải thoát nhân loại”.

(21) Những tội lỗi và đam mê của con người bị diệt trừ trong những cuộc thử lòng của người đệ tử, từ đó biến thành mảnh đất tốt cho “mầm giống thánh thiện” hay những hạt giống của những đức hạnh siêu việt nảy nở. Những đức hạnh bẩm sinh, những tài năng và thiên tư, là những thứ đã hoạch đắc được trong một kiếp trước. Thiên tài luôn luôn là một tài năng hay năng khiếu từ một kiếp trước đem lại.

275. Nhưng nếu con đã chuẩn bị, thì không phải sợ hãi gì cả.

276. Từ đây con đường của con đã quang đãng tiến thẳng đến cửa Virya,

cửa thứ năm trong Bảy Cửa. Bây giờ con đang ở trên con đường đưa đến nơi an toàn Dhyâna, cửa thứ sáu, Cửa Bồ Đề.

277. Cửa Dhyâna giống như một cái bình bằng bạch ngọc trắng tinh và trong suốt, trong đó một ngọn lửa vàng cháy bền vững, ngọn lửa Bát Nhã chiếu dọi từ Atman.

278. Con là cái bình đó.

279. Con đã đoạn tuyệt với những đối tượng của giác quan, đã trải qua “Con Đường của sự thấy” và “Con Đường của sự nghe”, và con đứng vững trong ánh sáng Tri Thức. Bây giờ con đã đạt đến trạng thái Titiksha (22).

(22) Titiksha là trạng thái thứ năm trong Raja Yoga - một trạng thái lãnh đạm tuyệt đối; phục tùng nếu cần, đối với cái được gọi là

“vui và khổ cho tất cả”, nhưng không bị vui buồn hoặc đau khổ do sự phục tùng đó - tóm lại, là một trạng thái lãnh đạm và không có cảm giác đối với vui buồn và đau khổ về cả ba phương diện xác, trí, tâm.

280. Hỡi Vị Thánh (Narjol), người đã được bình an.

.
281. Con hãy biết, hỡi người chinh phục tội lỗi, một khi người Sowani ⁽²³⁾ đã đi qua Con Đường thứ bảy, vạn vật rung động một cách vui sướng, kính sợ và phục tùng. Ngôi sao bạc lấp lánh thông báo tin lành cho những đóa hoa nở ban đêm, những gợn sóng của dòng suối nhỏ thông báo cho đá sỏi; những làn sóng biển âm u gầm thét thông báo cho những tảng đá to bao quanh, ngọn gió ngào ngạt mùi hương thông báo đến những thung lũng, và những cây thông oai vệ rì rào bí mật: “một Đức Thầy đã

tiến lên, một Đức Thầy của Ngày Nay”

(24).

(23) Sowani là người thực hành Sowan, con đường thứ nhất trong Dhyana, một Srotâpatti.

(24) Chữ “Ngày” đây có nghĩa là trọn một Manvantara, một thời gian lâu không thể tính được.

282. Bây giờ người đứng như một cây trụ trắng ở phương tây, trên mặt trụ ánh thái dương buổi bình minh của tư tưởng trường tồn rọi lên những luồng sáng rực rỡ đầu tiên. Trí của người giống như mặt biển yên tĩnh mênh mông không bờ bến, vươn rộng trong không gian vô tận. Người nắm quyền sinh, tử trong bàn tay mạnh mẽ của người.

283. Thật thế, người rất vĩ đại. Quyền lực sống động đã được biểu lộ nơi

người, quyền lực ấy chính là người, có thể xây đài mộng huyền cao vượt lên khỏi cõi chư thiên, cõi Đại Phạm Thiên và Đế Thích. Bây giờ người sẽ chắc chắn đạt được phần thưởng to tát!

284. Phải chăng người sẽ không dùng những phần thưởng đó cho sự yên nghỉ và hạnh phúc riêng, cho sự sung sướng và vinh diệu riêng, hỡi người chinh phục đại Ảo Mộng?

285. Không, hỡi thí sinh muốn tìm tri thức bí ẩn của Thiên Nhiên! Nếu người muốn nôi gót Như Lai thì những phần thưởng và quyền lực đó không phải dành cho riêng mình.

286. Con muốn đắp đập để ngăn dòng nước từ núi Sumeru ⁽²⁵⁾ chẳng? Con sẽ thay đổi chiều hướng dòng nước vì lợi ích riêng của con chẳng? hay con sẽ cho

**dòng nước chảy trở về nguồn của nó
thuở ban đầu?**

(25) Núi Merou, núi thiêng của Chư Thiên.

287. Nếu con muốn cho dòng suối tri thức đã đạt được một cách khó nhọc đó, dòng suối Minh Triết sinh từ cõi trời, vẫn luôn luôn chảy êm đềm, thì đừng để cho nó trở thành ao tù nước đọng.

288. Con nên biết, nếu muốn cộng tác với đức Phật A Di Đà, đức “Vô Lượng Thọ”, thì con phải tỏa ánh sáng đã đạt được, giống như hai vị Bồ Tát ⁽²⁶⁾ cho khắp cả ba cõi ⁽²⁷⁾.

(26) Trong khoa biểu tượng học của Phật Giáo Phương Bắc, nơi cảnh cực lạc của Đức Phật A Di Đà hay “Không Gian Vô Tận” có hai vị Bồ Tát - Quan Thế Âm và Đại Thế Chí - đời đời soi sáng khắp tam giới, nơi các Ngài sống, bao gồm thế giới của chúng ta. Các

Ngài dùng ánh sáng tri thức đó để khai hóa các nhà Yogi, để đến phiên các vị này cứu độ lại người đời. Ngôi vị cao cả của hai Ngài trong quốc độ A Di Đà là do nơi công đức phổ độ mà hai Ngài đã tạo ra khi còn làm nhà Yogi ở trần thế.

(27) Tam giới là cõi trần, cõi trung giới và thượng giới.

289. Con nên biết rằng dòng suối tri thức phi phàm và Minh Triết Thần Minh mà con đã đạt được, phải từ nơi con, con kênh của Alaya, chảy vào một đáy sông khác.

290. Hãy biết, hơi Narjol của con đường Bí Mật, dòng nước tươi mát và tinh khiết phải được dùng làm dịu bớt những lượn sóng cay đắng của biển cả – biển khổ mênh mông được tạo ra từ nước mắt của loài người.

291. Hỡi ôi! Một khi con đã trở nên như một ngôi sao ở tận trời xanh, thì thiên thể sáng chói đó phải chiếu sáng cho tất cả, ngoại trừ chính nó: ban ánh sáng cho vạn vật, mà không lấy lại gì cả.

292. Hỡi ôi! Một khi con đã trở nên trong trắng như băng tuyết nơi các thung lũng của núi non, sờ thấy lạnh lẽo, không cảm giác, nhưng che chở, làm ấm áp cho hạt giống đang ngủ yên sâu trong lòng của nó. Ngay bây giờ tuyết phải lãnh lấy sương giá cắt thịt, gió bắc thấu xương, để che chở cho đất khỏi nanh vuốt bạo tàn, đất đó có chứa mùa màng đầy hứa hẹn, mùa màng đó sẽ nuôi kẻ đói.

293. Tự buộc mình sống qua những Chu Kỳ (Kalpas) trong tương lai, mà không được loài người nhận thấy và biết ơn, như một hòn đá chen giữa vô số

hòn đá khác, tạo thành “Bức Tường Bảo Vệ” (28), đó là tương lai của con nếu con qua khỏi cửa thứ bảy. Bức tường đó tạo dựng do những bàn tay của nhiều Đức Thầy Từ Bi, xây đắp bởi những thống khổ và được củng cố bởi xương máu của các Ngài; bức tường che chở nhân loại từ thuở con người thoát kiếp thú, và bảo vệ con người khỏi bị khốn khổ đau đớn thống thiết nhiều hơn nữa.

(28) “Bức Tường Canh Gác” hay “Bức Tường Bảo Vệ”: chúng ta được cho biết, những cố gắng tích tụ từ nhiều thế hệ của các nhà Yogi, các bậc Thánh và Chân Tiên đặc biệt là của những vị Nirmānakayas, đã tạo ra một bức tường bảo vệ chung quanh nhân loại, che chở một cách vô hình cho loài người khỏi bị những ảnh hưởng xấu ác tồi tệ hơn nữa.

294. Tuy nhiên, con người không thấy điều đó, không nhận ra điều đó, con người sẽ không để ý đến lời nói Minh Triết. . . bởi vì con người không biết điều đó.

295. Nhưng con đã nghe và biết tất cả, hơi kẻ có tâm hồn nồng nhiệt và không qui quyết. . . con phải chọn lấy. Đây con hãy lắng nghe thêm:

296. Trên Con Đường “Tu Đà Hoàn” (Sowan), hơi Srotâpatti (Sowan đồng nghĩa với Srotâpatti), con đã được an toàn. Thật thế, trên Đường Đạo (Marga) này, kẻ hành hương mệt mỏi chỉ gặp cảnh tối tăm, gai nhọn làm chảy máu tay, đá sắc bén cắt đứt chân, và Ma Vương tấn công với những vũ khí mạnh mẽ – ngay bên kia con đường, một phần thưởng lớn lao đang chờ sẵn.

297. Bình tĩnh và không đổi chí, kẻ hành hương cố lướt lên, theo dòng suối đưa đến Niết Bàn. Người biết rằng chân càng chảy máu bao nhiêu thì người sẽ càng được gột sạch bấy nhiêu. Người biết rằng sau bảy kiếp luân hồi ngắn ngủi, Niết Bàn sẽ ở trong tay người. . . .

298. Đó là con đường Dhyâna, nơi an toàn của nhà yogi, mục đích mà vị Srotâpatti mong mỏi.

299. Nhưng khi người đã vượt qua con đường ấy và đạt được Con Đường La Hán (Arhata Path: do chữ Bắc Phạn Arhat hay Arhan) thì mục đích không phải chỉ có thể.

300. Nơi đó lòng ưa thích sung sướng (Klesha) (29) đã hoàn toàn bị tiêu diệt, gốc rễ của ý chí muốn sống (Tanha) (30) đã bị nhổ sạch. Nhưng đệ tử, con hãy nghe thêm một lời nữa. Con có thể nào

diệt lòng Tù Bi thiêng liêng không? Tù Bi không phải là một thuộc tính. Nó là LUẬT của các Luật - Điều Hòa vĩnh cửu, CÁI NGÃ của Hồn Vũ Trụ (Alaya's SELF) (xem câu 221 & chú giải 8, phần III); một bản chất đại đồng không bờ bến, ánh sáng của điều đúng đời đời, thích nghi với mọi sự vật, luật bác ái vĩnh cửu.

(29) Klesha, là lòng ưa thích sự vui sướng hay vui hưởng cuộc sống thế gian, tốt hay xấu.

(30) Tanha, ý chí muốn sống, từ đó gây ra sự luân hồi.

301. Con càng hợp làm một với lòng từ bi, bản thân con hòa tan trong Bản Thể của nó, Linh Hồn con càng hợp nhất

**với cái Hằng Có, thì con sẽ càng trở nên
Từ Bi Tuyệt Đối** (31).

(31) Không nên hiểu chữ từ bi này theo nghĩa “lòng thương của Thượng Đế” của các nhà theo thuyết hữu thần. Ở đây từ bi là một luật trừu tượng và vô ngã, bản chất của nó là sự Điều Hòa tuyệt đối, bị sự bất hòa, đau khổ và tội lỗi làm cho rối ren.

302. Đó là Con Đường Thánh Thiện (Arya), con đường của Chư Phật trọn lành.

303. Tuy nhiên, ý nghĩa của lời lẽ trong kinh sách thiêng liêng như thế nào, khi trong đó bảo con nói?

304. “Om! Tôi tin rằng không phải tất cả các vị La Hán đều hưởng quả ngọt của Niết Bàn.”

305. “Om! Tôi tin rằng không phải tất cả Chư Phật (32) đều nhập Niết Bàn Dharma”.

(32) Theo ngữ pháp của Phật Giáo Bắc Tông, tất cả các vị Đại La Hán, Chân Tiên, và Thánh đều được gọi là Phật.

306. Thật thế, trên Con Đường Thánh Thiện (Arya) con không còn là Srotâpatti nữa, con là một vị Bồ Tát (33), con đã qua dòng sông. Quả nhiên, con có quyền lãnh áo Dharmakâya; nhưng vị Sambhogakâya cao thượng hơn vị sống trong Niết Bàn; và vị Nirmanakâya - vị Phật Từ Bi lại còn cao thượng hơn nữa (34).

(33) Theo ngôi vị Thiên Đoàn, thì vị Bồ Tát kém hơn vị “Phật trọn lành”. Theo cách nói công truyền thì người ta hay lẫn lộn hai bậc đó làm một. Tuy nhiên, sự nhận thức tự nhiên

và đứng đắn của quần chúng thì họ có ý tôn kính vị Bồ Tát hơn vị Phật, do sự hy sinh của vị Bồ Tát.

(34) Cũng do lòng tôn kính đó mà quần chúng gọi là “Phật Từ Bi” những vị Bồ Tát khi đạt đến quả vị La Hán (nghĩa là đã đi hết Con Đường thứ tư hay thứ bảy) mà không chịu nhập Niết Bàn hay “lãnh áo Dharmakàya và sang bờ bên kia”, vì làm như thế thì các Ngài không thể nào giúp đỡ nhân loại được nữa, dù rất ít, trong giới hạn cho phép của nghiệp quả. Các Ngài muốn ở trong cảnh vô hình của thế giới và giúp vào sự cứu vớt nhân loại, bằng cách cảm hóa con người để dìu dắt họ theo Luật Trời, theo Đường Chánh. Trong Phật giáo công truyền phương Bắc có lệ tôn sùng những bậc đó như Thánh và đọc kinh cầu nguyện đến các Ngài, cũng như người Hy Lạp và tín đồ Cơ Đốc Giáo đối với các Thánh Hộ Mạng của họ vậy. Nhưng những lời dạy trong giáo lý bí truyền không khuyến khích làm như thế. Có một sự khác biệt rất xa giữa

hai giáo huấn. Cư sĩ theo giáo lý công truyền biết rất ít về nghĩa thật của chữ Nirmanakâya, vì đó mới có sự lầm lộn và giải thích thiếu sót của các nhà Đông Phương Học. Thí dụ Schlagintweit tưởng rằng thân Nirmanakâya có nghĩa là xác thân của các Đức Phật khi các Ngài đầu thai xuống thế (xem quyển Buddhism in Tibet) và do đó sanh ra một kiến thức hoàn toàn sai lầm về vấn đề đó. Tuy nhiên, giáo lý chân truyền diễn tả như sau:

Ba thân hay hình thể Phật được gọi là:

1. Nirmanakâya.
2. Sambhogakâya.
3. Dharmakâya.

Nirmanakâya (Ứng Thân) là hình thể tinh vi mà người sẽ dùng khi bỏ xác thân, khi người hiện thân trong thể vía, và thêm vào đó có tri thức đầy đủ của một vị Chân Tiên. Vị Bồ Tát phát triển cái thể đó nơi người trong khi người tiến bước trên Đường Đạo. Khi đã đạt mục đích, người khước từ kết quả và ở lại thể

gian làm một vị Chân Tiên; và đến khi người bỏ xác trần thay vì nhập Niết Bàn, người ở trong cái thân vinh diệu mà người đã tạo ra, người đời không nhìn thấy được, để trông nom và che chở cho nhân loại.

Sambhogakâya (Báo Thân) cũng giống như thế nhưng có thêm sự vinh quang của “ba điều hoàn thiện” nữa, một trong ba điều hoàn thiện này là hoàn toàn loại bỏ mọi sự liên hệ với đời.

Dharmakâya (Pháp Thân) là thân của vị Phật hoàn toàn, nghĩa là không có thân mà chỉ là một hơi thở lý tưởng: Tâm Thức hòa nhập trong Tâm Thức Vũ Trụ, hay là Linh Hồn trống rỗng không còn mọi thuộc tính. Khi đã nhận lấy Dharmakâya, vị Chân Tiên hoặc Phật đoạn tuyệt mọi quan hệ cho đến mọi tư tưởng về trần thế. Do đó muốn có thể giúp đỡ nhân loại, vị Chân Tiên được quyền hưởng Niết Bàn, “khước từ thân Dharmakâya” theo cách nói huyền bí, chỉ giữ tri thức đầy đủ của Sambhogakâya, và duy trì trong thân

Nirmanakâya. Trường Bí Giáo dạy rằng: Đức Phật Gautama và một số đệ tử La Hán của Ngài thuộc về hạng Nirmanakâya này do hạnh đại từ bỏ và hy sinh cho nhân loại, chúng ta không biết còn có ai nữa.

307. Bây giờ con hãy cúi đầu và nghe cho rõ, Bồ Tát vì lòng Từ Bi thốt lên và nói: “Có thể nào hưởng hạnh phúc, khi mà chúng sinh đang chịu đau khổ? Người có đành giải thoát và nghe cả thế gian rên siết sao?”

308. Bây giờ con đã nghe được điều đã nói.

309. Con sẽ tiến đến bước thứ bảy và vượt qua cửa tri thức cuối cùng, nhưng chỉ là để lãnh lấy sự đau khổ mà thôi, nếu con muốn làm một vị Như Lai (Tathâgata) thì con hãy nối bước các đấng đã đi trước, hãy giữ tâm lòng không ích kỷ cho đến cùng.

310. Con đã giác ngộ, hãy chọn con đường của con.

.
311. Hãy nhìn xem, ánh sáng êm dịu tràn ngập trời Đông. Để tỏ dấu ca ngợi, trời và đất cùng hòa hợp với nhau. Và từ Năng Lực biểu hiện bốn lần, trỗi lên một bài ca yêu thương từ ngọn Lửa đang bốc cháy, từ Nước đang chảy, từ Đất thơm và Gió mạnh.

312. Hãy nghe! . . . từ trong dòng xoáy sâu thẳm vô tận của ánh kim quang bao bọc vị Chiến Thắng, tiếng không lời của Vạn Vật trỗi lên hàng ngàn điệu để tung hô.

313. Hãy vui mừng lên, hỡi người trong cõi Ta Bà (Myalba) ⁽³⁵⁾.

(35) Myalba (Ta Bà) là quả đất của chúng ta, gọi đúng hơn là một “Địa Ngục” và theo trường bí giáo, đây là cái địa ngục to hơn tất cả các địa ngục. Giáo lý bí truyền cho biết

không có địa ngục hay là nơi hình phạt nào khác hơn là hành tinh hay địa cầu có loài người ở. Avitchi là một trạng thái chớ không phải một nơi chốn.

**314. Một Vị Hành Hương đã trở về
“TỪ BỜ BÊN KIA.”**

315. Một Vị La Hán Mới (36) được sinh ra. . . .

(36) Nghĩa là có thêm một vị Cứu Thế mới của nhân loại được sinh ra đời, và sẽ dìu dắt loài người đến Niết Bàn cuối cùng, sau khi cuộc tuần hoàn sinh hóa chấm dứt.

316. VẠN VẬT THÁI BÌNH (37).

(37) Câu này là một trong những cách thức được đặt sau chót những bài kinh luận, câu đảo hoặc huân thị, “Vạn vật thái bình”, “Phước lành cho tất cả sinh vật”. . .

* * *

HẾT

BA MỤC ĐÍCH CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC:

- 1- Tạo một trung tâm tình huynh đệ đại đồng trong nhân loại, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp, hay màu da.
- 2- Khuyến khích việc học hỏi, đối chiếu giữa tôn giáo, triết lý và khoa học
- 3- Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những năng lực tiềm ẩn trong con người.

Muốn gia nhập Hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và liên lạc với hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết

Trụ sở hội Thông Thiên Học Quốc Tế:
Adya, Chennai (Madras)
600 020 India

THEOSOPHICAL SOCIETY IN
AMERICA

P.O. Box 270, Wheaton, IL 60189

Chi Bộ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ
Garden Grove, CA

*Để tìm hiểu và nhận miễn phí những sách
Minh Triết Thiên Liêng bằng Việt ngữ của
Hội Thông Thiên Học, hoặc muốn tham dự
những buổi học hỏi, thảo luận MTTL, xin
liên lạc:*

Garden Grove, California:

Hiệp Tô, đt: 714-638-8758,

email: hiiep6647@yahoo.com

Nhật Nguyễn, đt: 714-530-3853,

email: nhutnguyen12@gmail.com

Vân Hoàng, đt: 714-546-1229

Houston, Texas:

Văn Lý, đt: 832-372-7802

Email: vanlienly2004@yahoo.com